

BA THẾ HỆ TRONG TÌNH THÂN VỚI BÁC

Tháng 10 năm 1954, chỉ ít ngày sau khi tiếp quản Thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng nhân dân Hà Nội đón tiếp Thủ tướng Ấn Độ Nê-ru. Đó là lần đầu tiên hai vị lãnh tụ gặp nhau. Song, trong tâm tưởng, hai vị đã gặp nhau từ lâu trong lý tưởng giải phóng đất nước khỏi ách ngoại xâm. Mười hai năm trước đó, trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, Bác Hồ đã làm hai bài thơ dưới một tiêu đề là “*Gửi Nê-ru*”. Toàn văn như sau:

I

*Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù.
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.*

II

*Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần.
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bạn cừu nhân.*

Giờ đây, sau 44 năm, lật lại báo *Nhân dân* trong những ngày Thủ tướng Nê-ru ở thăm Hà Nội, ta nhớ lại rằng, vị chính khách của Ấn Độ - một “đất nước vĩ đại và thú vị” - đã được các nhà lãnh đạo và nhân dân ta đón tiếp nồng nhiệt. Hồ Chủ tịch đã cùng Thủ tướng Nê-ru thảo luận những vấn đề quan hệ đến việc thực hiện đình chiến, củng cố hòa bình ở Đông Dương và giữ gìn hòa bình ở Đông - Nam Á. Đúng như sự chờ đợi của nhân dân Việt Nam, cuộc gặp gỡ giữa hai nhà lãnh đạo đã đem lại những kết quả tốt đẹp. Báo *Nhân dân* trong số đặc biệt, ra ngày 19-10-1954, đăng xã luận nêu rõ: “*Cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chủ tịch và Thủ tướng Nê-ru lần này có tính chất lịch sử và bao hàm một ý nghĩa quan trọng. Nó làm chính phủ hai nước thêm hiểu biết nhau, thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Ấn vốn có cảm tình thân thiện với nhau từ lâu đời...*”.

Mối cảm tình thân thiện ấy, trong cuộc đời hoạt động cách mạng vô cùng phong phú và đẹp đẽ của Bác Hồ, cũng được thể hiện ở rất nhiều sự kiện cụ thể. Nổi bật nhất là vào năm 1927, tại Hội nghị Quốc tế chống chiến tranh đế quốc họp tại Bơ-rúc-xen (Bruxelle), Thủ đô nước Bỉ, Bác Hồ đã gặp cụ thân sinh ra Thủ tướng Nê-ru. Có thể nói, tình thân của Bác Hồ đối với gia đình Thủ tướng Nê-ru bắt đầu từ đây...

Và với Ấn Độ, Bác đã có ba lần tới thăm. Mỗi lần thăm diễn ra trong một hoàn cảnh riêng. Lần thứ nhất, vào năm 1911, khi Bác là phụ bếp trên một tàu buôn Pháp. Người đã tận mắt nhìn thấy cảnh cùng

khổ của những người lao động Ấn Độ. Bác nhận ra rằng, không chỉ ở Việt Nam mà cả ở đất nước này cũng có những người dân sống trong lầm than, khổ cực, cũng chịu nổi mất nước, bị bóc lột hết sức dã man. Lần thứ hai, vào tháng 6-1946, khi Người quá cảnh trong chuyến dẫn đầu đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đi thăm Pháp. Hồi này, ở Ấn Độ đang dấy lên phong trào đấu tranh mạnh mẽ giành độc lập, buộc thực dân Anh phải nhượng bộ, chấp nhận để Đảng Quốc đại thành lập chính phủ lâm thời đầu tiên của người Ấn Độ do Nê-ru làm Thủ tướng tháng 8-1946. Thế là chỉ trong vòng một năm, Việt Nam rồi Ấn Độ đều đã bước vào trang sử mới vô cùng vẻ vang. Trong chuyến đi Pháp này, Bác Hồ đã được nhân dân Ấn Độ dành cho sự giúp đỡ và những tình cảm bạn bè.

Sau chuyến sang thăm Việt Nam của Thủ tướng Nê-ru vào tháng 10-1954, cuộc đi thăm chính thức của Bác Hồ và đoàn đại biểu của nhà nước ta tại Ấn Độ với ngót 30 người vào tháng 2 năm 1958 là đỉnh cao mới của quan hệ hữu nghị giữa hai nhà nước và hai dân tộc anh em. Biết bao ấn tượng đẹp đẽ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại trong lòng những người bạn, đồng chí và anh em Ấn Độ. Chính trong chuyến thăm này, Người đã có thêm những người cháu Ấn Độ, nổi bật lên là bà In-đi-ra Gan-đi, con gái yêu quý của Thủ tướng Nê-ru, người bạn thân thiết của Người. Trong những ngày tháng đáng ghi nhớ của trang sử đẹp đẽ về tình hữu nghị anh em giữa nhân dân hai nước Việt - Ấn, Bác Hồ đã nhận bà I.Gan-đi là cháu. Thế là,

trong đời Bác, Bác đã biết và có quan hệ thân tình, gắn bó với ba thế hệ của gia đình Nê-ru.

Ngày từ phút đầu tiên máy bay xuống thành phố Niu Đê-li, Bác đã được Tổng thống Pơ-ra-xát, Thủ tướng Nê-ru và bà In-đi-ra Gan-đi đón tiếp rất thân mật ở tận cầu thang máy bay. Bác rất chú ý người con gái thân yêu của Nê-ru, bạn chí thiết cũng như các cháu nhi đồng ríu rít chạy tới dâng hoa lên Người. Bác nói: “Chúng tôi rất sung sướng được gặp lại Thủ tướng Nê-ru, một người bạn tốt mà nhân dân Việt Nam đã hân hạnh đón tiếp ở Hà Nội”.

Những ngày Bác ở thăm Ấn Độ, Tổng thống Pơ-ra-xát mệt, không thể tham dự các cuộc đón tiếp Người. Thủ tướng Nê-ru và cô con gái yêu mời Bác và đoàn vào nghỉ tại nhà khách trong Phủ tổng thống ở tầng thứ 3. Lâu đài này rộng thênh thang rất nhiều phòng, nhiều cửa, nếu không có người dẫn đường thì rất dễ lạc.

Hai cha con Thủ tướng cùng Bác và Đoàn ăn trưa rất thân mật như trong gia đình. Thủ tướng nói: “*Hồ Chủ tịch là nhà đại cách mạng phi thường trong thời đại này. Người luôn luôn giải quyết những vấn đề khó khăn với nụ cười trên môi*”.

Ấn Độ đã thành lập cả một Ủy ban đón tiếp Hồ Chủ tịch. Ủy ban này gồm nhiều vị đại biểu quốc hội và nhân sĩ nổi tiếng ở Đê-li, không phân biệt xu hướng chính trị, đảng phái, tín ngưỡng. Chủ tịch Ủy ban là bà Ra-méch Va-ry Nê-ru, một lãnh tụ phụ nữ và là chị em họ của Thủ tướng Nê-ru. Ủy ban đã kêu gọi cả thành phố Đê-li nồng nhiệt đi đón Bác.

Thủ tướng Nê-ru đã tới dự bữa tiệc do ủy ban tổ chức chào mừng Bác Hồ. Thủ tướng nói: *“Hồ Chủ tịch là một nhân vật đặc biệt, tính rất giản đơn nhưng lòng rất rộng rãi. Hôm qua khi từ sân bay về, Hồ Chủ tịch nói với tôi rằng Ngài có đem từ Hà Nội sang một vòng hoa và một cây đại để đặt và trồng ở nơi kỷ niệm Thánh Găng-đi. Ngài còn nói thêm rằng cũng có đưa vòng hoa và cây đào để kỷ niệm ông cụ thân sinh tôi. Hồ Chủ tịch gặp ông cụ thân sinh tôi ở Thủ đô nước Bỉ năm 1927 trong một hội nghị quốc tế chống chủ nghĩa thực dân. Một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và cách đây đã lâu năm mà Hồ Chủ tịch còn nhớ đến cụ thân sinh tôi. Đó tuy là một việc bình thường, nhưng nó chứng tỏ một cách rõ rệt phẩm chất vĩ đại của Hồ Chủ tịch”*.

Nghe Thủ tướng nói, mọi người rất cảm động. Đôi mắt In-đi-ra Gan-đi sáng ngời vẻ tự hào. Những người có mặt như thấy trước mặt một đoạn lịch sử đẹp đẽ của tình hữu nghị Ấn - Việt, trong đó hiện lên những gương mặt rạng rỡ của ba thế hệ trong gia đình Nê-ru. Cũng phải nói thêm rằng, việc thành lập một ủy ban đón tiếp như vậy ở Ấn Độ lần này là có một không hai.

Bác Hồ báo cho Thủ tướng Nê-ru ý định muốn tự mình đặt vòng hoa tại mộ cụ Mô-li-lam Nê-ru, Thủ tướng rất xúc động, ~~nghe ngào không nói lên lời~~. Thủ tướng nghĩ đến người cha thân yêu. Vị thân phụ và Hồ Chủ tịch xa cách nhau đã trên 30 năm, vậy mà, bây giờ, Hồ Chủ tịch vẫn nhớ đến bậc tiền bối già

cùng chí hướng. Thủ tướng ca ngợi tấm lòng chung thủy vô hạn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tiếc rằng, chương trình hoạt động của Bác Hồ rất bận rộn mà ngôi mộ cụ Mô-li-lam Nê-ru lại ở xa Đê-li, cho nên, cuối cùng, Bác Hồ đã nhờ chính In-đi-ra Gan-đi, con gái yêu của Thủ tướng Nê-ru, thay mặt Bác mang vòng hoa đến đặt tại mộ ông nội của mình.

Trong cuộc đón tiếp của nhân dân Đê-li có một chuyện thú vị: Trên đài Chủ tịch, ở giữa hàng đầu có một cái ghế sơn son thiếp vàng, bọc nhung đỏ, giống như một cái ngai vàng. Mặc dù ông thị trưởng và Thủ tướng Nê-ru cố mời Bác ngồi “Ngai” ấy, Bác nhất định từ chối. Thấy thái độ khiêm tốn của Bác, quần chúng nhiệt liệt tán thành, họ đứng cả dậy vỗ tay và hoan hô: “Hồ Chí Minh Zin-đa-ba!”. Sau chuyện đó, các báo Ấn Độ viết: *Hồ Chủ tịch đã xóa bỏ một hình thức lễ tân bằng một cử chỉ rất dân chủ..*

Cũng về cử chỉ rất dân chủ ấy của vị nguyên thủ quốc gia, một cán bộ ngoại giao nguyên là lãnh sự tại Ấn Độ trong thời gian Bác ở thăm đã kể lại:

Hôm Người nói chuyện với các trí thức Ấn Độ tại Sapres Honse, tôi được phân công giữ tài liệu cho Người. Tôi chỉ đưa cho Người bản tiếng Việt của bài phát biểu vì tôi nghĩ không nên làm phiền Người với nhiều tài liệu. Nhưng khi Người đọc xong một cách tượng trưng bản tiếng Việt thì đồng chí phiên dịch Đặng Chấn Liêu đọc bản tiếng Anh. Tôi ngồi ở hàng ghế phía dưới lễ đài. Tôi thấy Người tìm trong cặp tài liệu của mình thì hiểu Người cần bản tiếng Anh. Tôi liền đứng dậy, mang bản tiếng Anh lên lễ đài cho

Người. Người hiểu ý tôi nên cũng đứng dậy đi ra phía dưới bậc thang lên lễ đài. Người và tôi gặp nhau ở bậc thang đó, tôi đưa bản tiếng Anh cho Người và trở về chỗ mình, theo dõi người phiên dịch đọc bản tiếng Anh. Câu chuyện chỉ có thế, nhưng sáng hôm sau báo chí Ấn Độ đăng tin nhận xét Người là nguyên thủ “*dân chủ nhất*”, “*Không chễm chệ ngai đờn cán bộ của mình mang tài liệu đến tận tay mà tự mình đi ra đón lấy tài liệu*”.

Báo chí Ấn Độ cũng viết: Người là “*Nguyên thủ yêu chuộng hòa bình*”. Cán bộ ngoại giao trên kể tiếp:

“Đêm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Niu Đê-li đi thăm thành phố Bom bay. Chính phủ Ấn Độ lập một đoàn xe lửa đặc biệt cho Người. Sau lễ tiễn chính thức, các đại diện ngoại giao đã ra về. Tất cả đoàn viên trong phái đoàn đều lên các toa tàu dành cho họ. Riêng Hồ Chủ tịch đứng tại cửa toa riêng của mình. Trên sân ga chỉ còn lại Thủ tướng Nê-ru, con gái Thủ tướng là I.Gan-đi, Vụ trưởng lễ tân Bộ ngoại giao Ấn Độ và tôi - với tư cách là đại diện của Tổng lãnh sự quán Việt Nam ra tiễn Người. Khi đoàn tàu kéo còi, báo trước tàu sắp chuyển bánh, Thủ tướng Nê-ru thân mật nói với Hồ Chủ tịch:

- “*Thưa Chủ tịch, xin hãy cẩn thận, tàu sắp chuyển bánh*”

(*Mr President, Please take care, the train will start*).

Hồ Chủ tịch mỉm cười thoải mái, chỉ vào cửa toa vui vẻ nói với Thủ tướng Nê-ru:

- “*Xin đừng lo! Đây là cửa của hòa bình!*”

(*Never mend! Please this is the door of peace*).

(Vào thời điểm đó, câu của Người rất có ý nghĩa: Thời điểm chiến tranh lạnh do đế quốc Mỹ gây ra và đặc biệt là Ấn Độ - một nước nổi tiếng đấu tranh cho hòa bình lúc bấy giờ).

Thủ tướng Nê-ru hớn hở và nhanh trí, nói với Hồ Chủ tịch:

- *“Cửa của hòa bình phải luôn luôn rộng mở.”*

(The door of peace must be allway open)

Ngày hôm sau, báo chí Ấn Độ đăng câu chuyện lý thú này và gọi Hồ Chủ tịch là nguyên thủ quốc gia của hòa bình.

Những ngày ở Ấn Độ, chương trình hoạt động sít sao và liên tục, nhưng Bác Hồ rất vui. Người gọi “Ấn Độ là một đất nước vĩ đại, quê hương của Đức Phật và Thánh Găng-đi”.

Tại cuộc chiêu đãi trọng thị chào mừng Người, Thủ tướng Nê-ru nói:

“Chúng ta hoan nghênh Chủ tịch, một vị lãnh tụ xuất sắc đồng thời là một chiến sĩ vĩ đại của tự do”.
Bác nói:

“Khi đến đất nước Ấn Độ vĩ đại, chúng tôi rất sung sướng được thăm quê hương của một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới... Nền tảng và truyền thống của triết học Ấn Độ là lý tưởng hoà bình, bác ái. Liên tiếp nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật và khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới”.

In-đi-ra Gan-đi, ngày ấy còn rất trẻ, thường theo Bác đến những cuộc tiếp xúc vui vẻ, nhất là khi có các em học sinh. Tại cuộc biểu diễn để hoan nghênh Bác

do đoàn thể “*Kỷ luật quốc dân*” tổ chức, I.Gan-đi phần khởi nhìn các em bé gái dâng hoa Bác Hồ, đồng thời rất cảm động thấy Bác ẵm lên tay em bé mù cả hai mắt cũng lên dâng hoa Bác Hồ. Em ấy sờ râu, sờ má Bác, rồi ôm chặt lấy Bác một cách âu yếm... Khi phát biểu với các cháu, Bác khuyên hãy nghe lời Bác Nê-ru và nói thêm:

“Đối với các cháu, Bác là Bác Hồ, chứ không phải là Cụ Chủ tịch”. Nghe vậy, các em vừa vỗ tay, vừa hoan hô “Bác Hồ! Bác Hồ!”. Một em chạy lên biếu Bác hai cái kẹo.

Tất cả những cử chỉ, lời nói của Bác đều được I.Gan-đi ghi nhớ rất sâu sắc. Sau này, cứ mỗi lần gặp gỡ các bạn Việt Nam, bà lại kể những ấn tượng đẹp đẽ của mình về Bác Hồ, không chỉ qua lần Bác đến thăm Ấn Độ mà cả những lần gặp Bác ở Hà Nội, được Người đón tiếp ân cần như với người con thân yêu trong nhà. Bà vẫn giữ cẩn thận trong cả đời mình những bức thư và quà tặng của Bác cho bà với tình cảm của người cháu vô cùng yêu quý Bác. Bà vẫn nhớ những lời tốt đẹp của cha mình - Thủ tướng Nê-ru - dành cho Bác Hồ, như: “Hồ Chủ tịch là một người vĩ đại, một bạn vĩ đại và một đồng chí vĩ đại”. Và khi Bác từ biệt Đê-li để đi thăm các thành phố khác như Bom bay, Can-cút-ta, Bác đã mở tiệc chiêu đãi, ở đó, Thủ tướng Nê-ru đã nói:

“Hồ Chủ tịch là một người có độ lượng rộng rãi. Ngài vừa nói với tôi Ngài đã “phải lòng” Đê-li, như thế là cần phải có một quả tim rất to... Sự thật thì nhân dân Đê-li cũng đã “phải lòng” Ngài. Trong ba ngày

Hồ Chủ tịch ở đây, đã có nhiều cuộc mít tinh và trao đổi ý kiến, nhiều khi bằng tiếng nói, nhiều khi không cần đến tiếng nói. Chúng ta có người trao đổi bằng tiếng nói, có người trao đổi bằng cảm tình. Chúng ta đã tiếp xúc với một người mà người ấy là một bộ phận của lịch sử châu Á. Chúng ta gặp gỡ một vĩ nhân đồng thời chúng ta gặp gỡ một đoạn lịch sử. Vì vậy, không những chúng ta đã thêm về mặt tư tưởng mà còn thêm danh giá cho chúng ta. Gặp gỡ Hồ Chủ tịch là một kinh nghiệm nó làm cho chúng ta tốt thêm”.

Đó là những lời I.Gan-đi không bao giờ quên. Suốt đời mình, kể cả những năm thay cha giữ chức vụ Thủ tướng Ấn Độ, bà cũng nghĩ về Bác Hồ như vậy. Vì thế, bà luôn luôn ủng hộ đường lối cách mạng của Bác, ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng chính nghĩa của nhân dân Việt Nam ta. Để ghi nhớ công ơn của bà, “một biểu tượng sinh động của Ấn Độ”, chúng ta có *vườn hoa I.Gan-đi* giữa lòng Hà Nội, cũng như có trường *Hồ Chí Minh - Gia-oa-hác-lan Nê-ru* tại Namao, Đại Từ, Thái Nguyên. Và, cũng như ở Việt Nam, tại hai thành phố lớn Bom-bay và Can-cút-ta, để ghi nhớ hình ảnh và sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ, đã có hai đường phố lớn mang tên Hồ Chí Minh.

Trong tám lòng rộng lớn của nhân dân Ấn Độ, Bác Hồ sống mãi. Trong gia đình Nê-ru, Bác Hồ bao giờ cũng là người thân. Bà I.Gan-đi cũng như bà A-ru-na A-sáp A-li, bấy giờ là Thị trưởng Niu Đê-li, không thể nào quên hình ảnh Bác Hồ nói chuyện với nhân dân Thủ đô Niu Đê-li trong cuộc mít tinh tại Thành Đỏ.

Theo phong tục Ấn Độ, đại biểu các tầng lớp nhân dân Ấn Độ đều lần lượt choàng những dải hoa tươi lên cổ các vị khách quý để tỏ lòng kính trọng và hiếu khách. Nhiều vị khách nước ngoài trước phong tục này thường nhận hoa rồi đưa cho cán bộ lễ tân đứng cạnh hoặc đặt lên bàn nhưng Bác Hồ đã nhận tất cả để cho từng người choàng những dải hoa lên cổ mình và không gỡ ra. Điều ngạc nhiên hơn là lúc Bác nhận tấm thảm len khá lớn do bà A-ru-na thay mặt nhân dân Thủ đô trao tặng. Mọi người tưởng rằng cũng như các vị khách khác Bác chỉ nhận tượng trưng, nhưng Bác nói: *“Quà của tôi, tôi phải tự nhận lấy”* và bằng một động tác nhanh, Bác đã vác tấm thảm nặng đó lên vai trước sự ngạc nhiên của hàng vạn người tham dự. Bác nói: *“Tôi vác cả tình cảm của nhân dân Ấn Độ trên vai”*. Những tiếng hô như sấm dậy: *“Hồ Chí Minh, Zin-đa-ba. Việt Nam, Zin-đa-ba Hin-đi Việt Nam: Bhai bhai (Zin-đa-ba: muôn năm, Hin-đi: Ấn Độ, Bhai: anh em)”*.

Bác không những gửi vòng hoa và cây đào đến đặt và trồng trước mộ ông nội của Cố Thủ tướng I.Gan-đi, Bác còn đến thăm công viên mang tên mẹ bà: Can-la Nê-ru ở thành phố Bom bay. Ấy là sáng 11 tháng 2 năm 1958, một sáng xuân Ấn Độ, Bác đã nhẹ bước trong vườn hoa không to lắm nhưng xinh xắn ấy. Ngày thường, công viên dành riêng cho trẻ em. Giữa vườn có cái nhà hai tầng, làm giống một chiếc giày khổng lồ, trẻ em rất thích cái nhà này. Trong tâm hồn Bác, cũng một lúc hiện lên những gương mặt của ông nội, của cha mẹ, của chính I-Gan-đi và những người thân thích khác trong gia đình.

Ở hai thành phố Bom-bay và Can-cút-ta, Bác Hồ đều tặng hai bức hình bằng sơn mài của Thánh Giăng-đi và Thủ tướng Nê-ru. Các tặng phẩm ấy vẫn được đặt ở nơi trang trọng nhất của hai thành phố.

Đó là một cử chỉ của Bác Hồ làm bà I.Gan-đi vô cùng cảm động và ghi nhớ.

Khi Thủ tướng G.Nê-ru qua đời (1964), Bác Hồ vô cùng thương tiếc. Người đã gửi điện chia buồn tới Tổng thống Ra-đa Lê-ri-xhan.

Ngày 21 tháng giêng 1966, đúng mùng 1 Tết Bính Ngọ, Người gửi điện chúc mừng bà In-đi-ra Gan-đi nhân dịp bà được cử giữ chức Thủ tướng Ấn Độ (ngày 11-1-1966); người kế nhiệm Thủ tướng Nê-ru là Ba-ha-đua Sa-xơ-ri đã từ trần).

Với bức điện gửi cho I-Gan-đi, hẳn là Bác Hồ của chúng ta hy vọng và tin tưởng vào những bước phát triển mới trong quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước anh em Việt - Ấn.

“NGƯỜI LÀ CHA NUÔI CỦA TÔI”

Đó là lời của Ma-đơ-len Ríp-phô, nhà báo nữ tài năng, xông xáo của nước Pháp khi nói về Bác Hồ kính yêu. Năm mươi hai năm trước, lần đầu tiên được tiếp xúc với Người ở Pa-ri, Bác đã gọi bà là “Con gái của tôi” (Ma Fille). Tiếng gọi trìu mến ấy, có thể nói, đã sưởi ấm tâm hồn bà, khích lệ bà trên con đường hoạt động suốt mấy thập kỷ qua.

Năm 1946, Ma-đơ-len Ríp-phô vừa tròn 18 tuổi, đã có mặt trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Pháp đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị thượng khách của chính phủ Pháp. Tuổi còn trẻ, nhưng người con gái xinh đẹp, dũng cảm và tài ba này đã từng là một chiến sĩ chống phát xít, bị bắt và kết án tử hình trong chiến tranh thế giới thứ II. Bác Hồ đã từng nghe kể về chiến công của cô và các bạn, dưới sự hướng dẫn của các bậc đàn anh như A-ra-gông, Ê-lu-át, cho nên khi được giới thiệu, Bác đến ôm hôn lên trán cô và âu yếm hỏi: “Cô gái Pa-ri dũng cảm là đây ư?”. Người giới thiệu Ma-đơ-len Ríp-phô với Bác Hồ chính là bà Ăng-đrê Vi-ô-lít, nữ tác giả cuốn *Đông Dương kêu cứu*. Lúc này, cô là người mới được vào nghề báo, đang tập sự ở tòa soạn báo “*Chiều nay*” (Ce Soir). Từ thuở nhỏ, cô đã nghe kể về Nguyễn Ái Quốc, một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và từng nuôi ước

mơ một ngày nào đó được gặp Người. Ước mơ đó, hôm nay đã trở thành sự thật.

Lần đầu gặp Bác, vì quá xúc động, cô không nói nên lời. Bác nói với Ríp-phô:

- Làm báo là nghề chân chính!

Và Người động viên:

- Bây giờ con hãy làm việc, học tập. Khi nào trở thành nhà báo, con hãy sang Việt Nam! Bác sẵn sàng đón con bất cứ lúc nào, như đón con gái Bác!

Ma-đơ-len Ríp-phô không bao giờ quên cuộc gặp gỡ đó, không quên hình ảnh Người trong bộ quần áo giản dị, với nụ cười đôn hậu biết bao. Được Người cổ vũ, chị say mê viết bài. Cũng từ lúc được gặp Người, trái tim chị luôn đập nhịp cho Việt Nam - đất nước của "*Vị cha nuôi*" mà chị vô cùng yêu quý. Chị trở thành phóng viên báo *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp. Từ những năm 50, chị đã qua An-giê-ri khi nhân dân nước này đang chiến đấu chống thực dân Pháp. Nhiều trang phóng sự của chị từ mặt trận gửi về, không chỉ đăng trên báo Pháp mà cả trên báo *Sự thật* của Liên Xô thời ấy. Chị đã từng cải trang quần mạng che mặt như người phụ nữ Hồi giáo để tránh sự phát hiện của mật thám, và nhờ vậy mới có điều kiện xông xáo, viết nên những phóng sự nóng hổi từ chiến trường.

Năm 1951, Ma-đơ-len Ríp-phô có mặt tại Liên hoan thanh niên và sinh viên quốc tế ở Béc-lin, với tư cách thành viên của đoàn thanh niên Pháp. Tại đây, chị làm quen và kết bạn với một số thanh niên Việt Nam. Chị viết khá nhiều sách về Việt Nam, trong đó có cuốn *Đôi đũa ngọc*, ca ngợi những tấm gương sản

xuất và chiến đấu của quân dân ta, mà lời đề từ là hai câu ca dao:

“Đôi ta làm bạn thông dong

Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng”

Năm 1952, cuốn *Hoa từ cánh đồng Việt Nam* của chị ra đời, là kết quả của những ngày chị sang Việt Nam giữa đạn bom ác liệt. Những bài viết của chị đều giới thiệu trên báo Nhân đạo giúp cho nhân dân Pháp càng hiểu cuộc chiến đấu chính nghĩa của các bạn Việt Nam dưới sự lãnh đạo của “Cha Hồ”.

Tháng 5-1954, chị rất vui trước chiến thắng oanh liệt ở Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam. Chị lại sang Việt Nam để hoàn thành thiên phóng sự mới. Sau này, chị có viết: *“Tôi ở lại đây mấy tháng liền và hân hạnh được Bác Hồ tiếp nhiều lần. Người vừa trải qua tám, chín năm của cuộc “kháng chiến trường kỳ” do Người lãnh đạo. Người cùng sinh hoạt với Trung ương Đảng, với Bộ Tổng tư lệnh ở trong những hang đá, giữa vùng rừng núi Việt Nam, bên cạnh những con suối. Trên khuôn mặt khắc khổ của Người, đôi mắt sáng ngời như rực lửa, đầy lạc quan và chan chứa nhiệt tình”*.

Ma-đơ-len Ríp- pho viết tiếp:

“Bệnh lao phổi, một căn bệnh không bao giờ rời Người trong hàng mấy chục năm hoạt động, khi bí mật, khi bị tù đầy, khi học tập, nghiên cứu và chiến đấu không ngừng, căn bệnh đó ra sao rồi? Bao giờ Người cũng hết lòng chăm lo đến những người khác, còn bản thân Người bị sốt rét thì Người nói: “Rồi tự nhiên nó sẽ khỏi”. Thế nhưng, hồi ở Việt Bắc xa xôi

kia, trong căn nhà sàn bên sườn núi, bốn bề tối đen và rừng rậm bao la, có lần Người suýt lìa cõi đời...

Nhưng Người lại qua khỏi bệnh”.

Ma-đơ-len Ríp-phô cũng không quên kể lại cuộc gặp lại Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch ở Hà Nội, cùng nhiều nhà báo nước ngoài. Người đã chủ động đến bên chị và nói:

- Ô kìa, các vị hãy nhìn cô gái nhỏ nhắn này! Cô ấy không nhận ra tôi nữa chắc?

Chị đỏ mặt, xúc động không nói nên lời. Chị nghĩ: “Thưa Bác, không, con gái của Người vẫn nhận ra Người đấy chứ! Nhưng, con thật không ngờ là Người vẫn còn nhớ con!”.

Những ngày hòa bình đầu tiên ấy, giữa bộn bề công việc, Người dành thì giờ tiếp chị nhiều lần. Chị viết:

“Nếu Người có dịp cho tôi gặp Người để chuyện trò đôi câu thì không phải là Người nhắc lại những nỗi đau khổ mà đế quốc Pháp đã gây ra đối với nhân dân Việt Nam, những nỗi đau khổ không kể xiết mà khi đi thăm Việt Nam tôi đã thấy rõ ở bất cứ nơi nào tôi đến...”

Thời kỳ trước đó, Bác Hồ thường tiếp khách vào buổi sáng tinh sương, trong một ngôi nhà nhỏ ở khu vườn Phủ Chủ tịch. Những cây hoa hồng trồng làm cảnh, được chăm sóc cẩn thận, nói lên rằng bất chấp bom đạn, Việt Nam vẫn thách thức với kẻ thù và tin chắc vào thắng lợi của mình. Từ nay, tôi không thể nào nhìn một bông hoa hồng - dùng làm vật trang trí - như vậy mà không khỏi nhớ tới Hồ Chủ tịch. Vì rằng cứ sau mỗi cuộc gặp gỡ trong chốc lát như thế,

*Người lại tặng khách một bông hoa hồng trước khi
Người trở về với công việc hàng ngày...”*

Xúc động trước những bông hồng ấy, Ma-đơ-len Ríp-phô đã viết bài thơ *Bác Hồ*. Hình ảnh “*Người cầm hai đóa hoa hồng - tựa như những đóa ta trồng vườn hoa*” gây ấn tượng mạnh mẽ trong tâm hồn chị và nữ thi sĩ cảm thấy “*Tôi như chim trắng trước Người*”...

Toàn văn bài thơ ấy như sau:

*“Người vào cửa vẫn lặng im,
Hỏi han thân mật, giống in những hình
Dấu thâm khi chữa hòa bình
Đêm đêm soi ảnh thấy mình ở trong
Người cầm hai đóa hoa hồng
Tựa như những đóa ta trồng vườn hoa
Hỏi thăm tin tức chúng ta
Hiếu dân tộc Pháp hơn là bạn, tôi
Tôi như chim trắng trước Người
Chim lành thợ mỏ chăm nuôi mái hè
Bay cùng xứ sở Tô-rê”
Tôi yêu, tôi khổ vì quê hương mình
Toàn dân đã chặn chiến tranh
Với ta Người tặng tấm tình, và hoa.*

12-1954

(*) Đồng chí Tô-rê (Maurice Thorez), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp, xuất thân thợ mỏ quê ở vùng mỏ miền Bắc nước Pháp.

Dịp ấy, trước khi trở về Pháp, Bác Hồ đã tặng chị hai tấm lụa. Chị cắt may thành hai áo theo kiểu áo các cô gái Việt Nam thường mặc. Sau này, mỗi lần sang Việt Nam, chị lại mặc những chiếc áo may từ hai tấm lụa của Người đã tặng chị.

Nhưng, riêng trong chuyến cùng nhà báo úc Béc-sét vượt Trường Sơn vào tận Tây Ninh giữa những năm 60, chị đã không mặc áo dài lụa mà mặc quần áo bà ba đen, đội mũ tai bèo, đi dép cao su, khoác khăn rằn trên vai. Chị là nữ phóng viên nước ngoài đầu tiên có mặt giữa các bưng biển miền Nam Việt Nam, trực tiếp làm các phóng sự tìm hiểu thực tế chiến đấu tại mặt trận. Ma-đơ-len Ríp-phô coi chuyến đi ngót hai năm trời ấy là món quà mà *“Người cha già tặng cho con gái của Người”*, *“một sự tỏ lòng quý trọng đối với nhân dân Pháp mà Bác Hồ rất hiểu biết và yêu mến”*. Tại căn cứ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh - mà sau này trong các bài viết được gọi trêu mến là *“Anh Mười”* đã nồng nhiệt tiếp đón chị. Các chiến sĩ giải phóng thương mến gọi chị là *“Chị Ma-đơ-len”*, *“Chị Ba”* và ai cũng biết chị là *“con gái nuôi”* của Bác Hồ kính yêu. Chị đã viết phóng sự nổi tiếng Trong căn cứ của Việt cộng, sau nhiều ngày sinh hoạt trong gian khổ và chiến đấu dũng cảm với căn bộ và chiến sĩ Việt Nam. Tác phẩm có tiếng vang lớn trên thế giới, giúp cho các bạn Âu - Mỹ hiểu rõ hơn thực tế cuộc chiến đấu của nhân dân ta và hăng hái tham gia phong trào đoàn kết ủng hộ cuộc chiến đấu của Việt Nam. Phóng sự ấy đã được Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ) tặng giải thưởng năm 1966.

Cũng năm ấy, giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, Ma-đơ-len Ríp-phô lại đến Việt Nam. Nhiều người còn nhớ như in cái đêm cuối tháng 7, khi máy bay địch vừa rút khỏi bầu trời, một nữ ký giả nhỏ nhắn nhanh nhẹn bước xuống sân bay Gia Lâm. Đó là Ma-đơ-len Ríp-phô, người con gái của Bác Hồ, người con gái của Việt Nam. Chị có mặt khắp nơi, từ Hà Nội đến Hải Phòng, Sơn La đến Quảng Bình, Nam Định đến Thanh Hóa... ở những nơi ấy, đâu đâu người ta cũng gặp người phụ nữ nhỏ nhắn đã luống tuổi đeo máy ảnh, tay cầm micrô và quyển sách xông xáo đến những vùng ác liệt. Cuốn phóng sự nổi tiếng khác của chị - *“Ở miền Bắc Việt Nam viết dưới bom đạn”* - ra đời sau chuyến đi ấy. Tập sách được nhiều nước trên thế giới đón đọc, riêng ở Đức nó mang cái tên mới: *“Những nhịp cầu mờ ảo”*.

Tác giả đã gửi tặng Bác Hồ cả hai quyển sách trên. Cuốn *“Trong căn cứ Việt cộng”* tặng Người vào tháng 9-1965:

“Kính tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự biết ơn sâu sắc và tất cả lòng yêu mến của con đối với Người, với Đảng và nhân dân của Người đang chiến thắng chống những tên phát xít mới.

M.Riffaud

Paris, tháng 9-1965”

Gửi biếu Bác cuốn *“Ở miền Bắc Việt Nam viết dưới bom đạn”*, chị đề:

“Kính tặng Bác Hồ

Đây là một đóng góp nhỏ bé nhưng chân thành vào cuộc chiến đấu của nhân dân anh hùng của Người.

Với tất cả tấm lòng của con.

Madelene Riffaud

Dư luận báo chí quốc tế đánh giá hai cuốn sách trên là “được viết giản dị, không thiếu những ghi chép nên thơ, đã làm sống lại trước mắt chúng ta một bức tranh thực tế mà chúng ta ít biết đến”. Một nhà bình luận tư sản đánh giá: “Duy nhất riêng chị đã tạo ra một loại hình văn học và cuối cùng chị đã thành công hoàn toàn”.

Bằng tác phẩm, bằng nhiệt tình và lòng dũng cảm, không quản ngại hy sinh, Ma-đơ-len Ríp-phô thật xứng đáng là người con gái thân yêu của Bác Hồ. Đóng góp của chị là vô cùng quý giá chứ đâu có “nhỏ bé” như chị viết...

Cũng cần trích dẫn ra đây những dòng trù mến mà chị đã viết trong “*Ở miền Bắc Việt Nam viết dưới bom đạn*” về “Cha Hồ” của mình, vào một sớm tinh sương sau nhiều năm xa cách (tháng 8-1966):

“Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tới, như lệ thường của Người, từ một góc vườn, không rõ góc nào. Hôm ấy, với bộ quần áo bà ba nâu nông dân, Người có vẻ vừa đi công tác về, hoặc sắp ra đi.

Chúng tôi uống cà phê. Loa báo động loan tin có năm máy bay Mỹ xuất hiện còn cách Thủ đô 20 kilômét. Một chiếc máy bay Mỹ quần đảo trên đầu, như thể nó bắn vào mặt hồ nước và Hồ Chủ tịch cứ làm tôi lo sợ. Người nhất định không cho tôi phỏng vấn, và mỗi lần tôi đưa tay ra cầm cây bút chì thì Người ngăn lại. Thế mà bao giờ tôi cũng bắt lực khi phải tóm tắt một cuộc nói chuyện với Chủ tịch

Hồ Chí Minh. Chỉ riêng Người có cách nói chuyện đó, rất trực tiếp, rất tình cảm.

Trong buổi đầu, tôi lại được gặp Người, Người đã không để cho tôi hỏi Người câu nào. Nhà báo lại bị phỏng vấn, và tôi đã phải nói với Người về tất cả những người bạn cũ mà Người quen ở Pháp và châu Âu. Những câu Người hỏi tôi về các chiến sĩ cách mạng lão thành khác, không phải là những câu xã giao, lấy lệ. Bác Hồ quan tâm đến từng người, Người nhắc lại hỏi còn chiến đấu bí mật, nửa bí mật, Người có trọ ở một góc phố nhỏ, gần quảng trường Italia bây giờ, phố ấy tên là Xinh Xấn (Gracieux) - đây phố ấy nghèo - chẳng “xinh xắn” đến thế đâu! - Bác rất trách con điều này - Chủ tịch bảo tôi. - Từ lúc con viếng thăm mọi nẻo đường của đất nước Bác đến nay, giọng nói tiếng Việt Nam của con chẳng Việt Nam hơn được chút nào. Từ ngữ vẫn là từ ngữ của một đứa trẻ. Trước kia, hồi Bác mới trưởng thành, Bác đi làm phụ bếp, nấu bếp trên một chiếc tàu, con có biết Bác đã học tiếng Pháp của con như thế nào không? Bác quyết tâm mỗi ngày phải biết thêm 10 chữ, không cần nhiều hơn, nhưng không được kém. Bác viết 10 chữ ấy lên tay áo vừa làm Bác vừa học thuộc lòng...”

Năm 1969, Ma-đơ-len Ríp-phô được gặp Bác lần cuối. Lúc này, chị đã là một nhà báo nổi tiếng. Bác Hồ rất mệt, song Người rất vui được gặp “người con gái” từ đất Pháp.

Ở Thủ đô Pa-ri, được tin Người qua đời, Ma-đơ-len Ríp-phô nặng lòng thương nhớ Người. Chị đã viết bài “Bác Hồ đi giữa mùa thu”, đăng trên báo Nhân đạo. Chị viết: “Chủ tịch Hồ Chí Minh lần này có thật là

Người ra đi vĩnh viễn không? Những ai đã từng được gặp Người ở một nơi nào đó trên đất nước Việt Nam đang có chiến tranh đều không tin như vậy...”

Và chị kể đến những dịp được gặp Người ở Hà Nội, ở Việt Bắc mà ấn tượng đẹp nhất vẫn là những cây hoa hồng. Trong những lần gặp ấy, bao giờ Người cũng ngợi ca nhân dân. *“Người chiến thắng tên đế quốc mạnh nhất thế giới, chính là người dân bình thường, dũng cảm, lạc quan, sống và chiến đấu quên mình”*.

Về mối quan hệ riêng giữa chị và “Vị cha nuôi”, chị viết:

“Hồ Chủ tịch đã mất. Đối với những ai yêu mến Người, hôm nay cũng cần phải kể cho nhau nghe những điều bí mật nhỏ và coi đó như là của quý.

Trước đây có lần Bác Hồ bảo tôi: “Con ơi, nếu con muốn làm vui lòng Bác thì một hôm nào đó, con hãy gửi cho Bác bộ đĩa thu lại những bài hát mà xưa kia Mô-rit-xơ Xra-li-ê vẫn hát, hồi Bác còn ở Pa-ri và lúc con chưa ra đời”.

Mùa hè năm nay, tôi đã tìm thấy những đĩa hát được tái bản tất cả những bài hát của Xra-li-ê nhân dịp ông thọ 80 tuổi.

Nhưng tôi còn ngần ngừ không biết có nên gửi cái món quà kỳ lạ đó đến Bác Hồ hay không? Nếu Bác Hồ quên chuyện đó rồi thì sao? Nếu có người cho rằng gửi món quà đó cho Người là bất kính thì thế nào? Tôi bèn hỏi ý kiến một đại biểu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pa-ri. Vị đó trả lời: “Chắc đồng chí cũng biết, không bao giờ Bác quên một điều gì cả. Đồng chí cứ gửi những đĩa hát

ấy cho Bác. Những bài hát đó sẽ làm Bác nhớ lại những người lao động ở Pa-ri mà Bác rất yêu mến”.

Hai ngày sau khi Bác Hồ từ trần, Ma-đơ-len Ríp-phô nhận được thư của phóng viên báo Nhân đạo tại Hà Nội. Bức thư đến tay chị chậm mất ba tuần, trong thư viết: *“Bác Hồ đã nhận được các đĩa hát. Bác đã nghe lại các đĩa hát đó một cách thích thú, Bác rất vui lòng”.*

Năm 1972, chị lại là nữ phóng viên nước ngoài đầu tiên được đi quay phim Mỹ ném bom B52 ở thành phố Hải Phòng. Với Việt Nam, bao giờ chị cũng là người đầu tiên! *“Tình yêu Việt Nam trong chị như trẻ mãi, thắm đượm mãi như ngọn lửa khéo nhen, không tắt bao giờ”.* Có một bài báo đã viết về Ma-đơ-len Ríp-phô như thế. *“Với Việt Nam, chị vẫn cảm thấy bé nhỏ, như chị đã từng viết trong thơ:*

Các anh là ngọn lửa

Tôi là người nước ngoài

Chỉ là khói của lửa các anh!”

Thật ra, chị dù là người nước ngoài, đã từ lâu, trái tim chị, sự xông xáo, niềm yêu thương của chị dành cho Việt Nam cũng đã góp một ngọn lửa vào ngọn lửa vĩ đại của nhân dân Việt Nam, mà qua “Cha Hồ” của chị, chị đã có một quê hương thứ hai: Việt Nam!

Đúng vào ngày 19-5-1990, nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo Nhân đạo đã đăng trang trọng bài viết của nữ nhà báo xuất sắc Ma-đơ-len Ríp-phô, dưới đầu đề *“Tấm biểu ngữ mang hình hoa sen”*. Giới thiệu lại toàn văn bài báo ấy trong tập sách này, chúng ta mãi mãi ghi nhận một

tấm lòng hiếu thảo của người con gái nước Pháp đối với “Vị cha nuôi” của mình:

** Sen là một loại cây ở Việt Nam nở những bông hoa trắng từ dưới bùn lầy. Hoa sen đã trở thành biểu tượng. Trong thời kỳ Mỹ leo thang ném bom các thành phố miền Bắc, người ta ít thấy ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng hình ảnh hoa sen thì có thể thấy ở mọi nơi. Trên nền đỏ rực, chỉ có bông hoa và những dòng chữ đã rất nổi tiếng nên không cần ký tên: Không có gì quý hơn độc lập tự do.*

Trong bức thư gửi nhân dân mang dòng chữ trên, Hồ Chí Minh đã chỉ ra trước, vì không bao giờ Người nói dối nhân dân: “Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá...”

Tôi đã giữ tấm biểu ngữ đó mà tôi xin được từ Bác Hồ. Tấm biểu ngữ ấy đang ở kia, treo trên tường phòng tôi đang làm việc, để luôn luôn nhắc nhở tôi những điều cốt yếu.

** Cuống hoa sen có cái vẻ rất yếu ớt. Không đúng. Bẻ cuống, những sợi tơ vẫn rất dai, vẫn nối liền với bộ rễ.*

Người ta thường ví Hồ Chí Minh như cây sen.

** Tôi ngắm nhìn bông hoa và như nhìn thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đúng như hồi 1946 khi Người gặp tôi lúc tôi còn là nhà báo và 20 năm sau, khi tôi là phóng viên chiến tranh.*

Tôi ngắm nhìn ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh nhưng hình ảnh Người biến mất; và biết bao bộ mặt khác hiện lên: những con người trong chiến khu “Việt cộng”, những đoàn người trên hệ thống ngang dọc đường mòn Hồ Chí Minh, dưới bầu trời có pháo đài

bay B52... Bởi vì những con người ấy của cuộc chiến tranh nhân dân, sẵn sàng hy sinh, thông minh, lạc quan, vượt qua mọi khó khăn của địa ngục... là những con người mà Bác luôn luôn nghĩ đến. Bác như thu mình nhỏ lại trước mắt họ và Bác cũng chỉ kể về họ khi gặp một số ít nhà báo hồi đó. Bác cũng viết nhiều bài báo về họ mà không ký tên mình.

Bác đã để lại muôn vàn tình thương yêu cho họ trong những “Bức thư tháng Năm” (Di chúc)

**Tôi muốn nhắc đến một câu ngắn trong những “Bức thư tháng Năm” đó. Theo đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của Bác, trong những tháng 5 năm 1966 và năm 1967, Bác không thêm gì vào bản đã được đánh máy từ tháng 5 năm 1965, chỉ trừ từ ngày 12 đến 13 tháng 5 năm 1966, Bác giở lại Di chúc và ở đoạn nói về thực hiện tự phê bình và phê bình với tinh thần dân chủ rộng rãi trong Đảng, Bác dùng bút máy ghi thêm ở ngoài lề, đại ý: Điều quan trọng là tình yêu thương anh em gắn bó tất cả các đồng chí chúng ta với nhau...*

Theo tôi, câu ghi ngắn ấy đã trở thành quý báu, cũng như lời châm ngôn được ghi trên biểu ngữ có hình hoa sen vậy...

Vích-to Ha-ra trong sân vận động ở Xan-chi-a-gô (Chi-lê), trong những ngày đẫm máu, đã hát về Hồ Chí Minh với cây đàn ghi ta của mình, trước khi những ngón tay của anh bị chặt đứt. Ca-tép Y-a-xin, nhà thơ An-giê-ri, viết vở kịch về Người đi đòi dép cao su khắp muôn phương. Tên của Hồ Chí Minh vang lên trong tất cả các cuộc đấu tranh cách mạng.

** Ở Việt Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh vừa nhắc lại rằng: “Đảng và nhân dân chỉ là một”, đó*

là nguồn sức mạnh để đất nước chiến thắng trong cách mạng, trong hai cuộc chiến tranh vĩ đại bảo vệ Tổ quốc. Và lời của Hồ Chí Minh từng được nhắc đến biết bao lần trong chiến tranh: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Những lời dạy của Hồ Chí Minh là hòn đá tảng và là nguồn cảm hứng cho sự nghiệp đổi mới mà Đại hội VI đã đề xướng với công thức của Người sáng lập của mình: Dân là gốc.

Hồ Chí Minh đã nói: Chúng ta không lùi bước trước khó khăn. Chúng ta có thể chịu đựng những thiếu thốn, nhưng phải coi chừng những bất công xã hội.

Và Bác Hồ đã nêu tấm gương sáng về sự giản dị trong cuộc sống của Người.

** Sẽ còn mãi những bài thơ của Nguyễn Trãi và Nguyễn Du mà người Việt Nam, từ thế kỷ này đến thế kỷ trước đã thuộc lòng và nhắc lại...*

Con người này sẽ còn mãi, ngay cả khi mọi người, đàn ông và đàn bà, đã từng biết Người không còn sống nữa để kể và tả lại ánh mắt của Người quan tâm đến mọi người, sự chăm chú kỳ lạ để nghe mọi người nói, tình thương và sự quý mến nồng nhiệt của Người...

Dáng người mảnh khảnh ấy tồn tại mãi mãi. Người không cản đường ai, mà mở con đường đến vô tận. (Tôi xin phép gạch dưới câu này. T.D). Để: qua tất cả bạo lực, những vấp vấp, qua nước mắt khổ đau, giấc mơ của chủ nghĩa cộng sản được thể hiện dần và được bắt rễ sâu...”.

Năm 1990 - năm lịch sử ấy - Ma-đơ-len Ríp-phô đã sang Việt Nam, giữa lúc toàn thế giới và nhân dân Việt Nam đang tung bừng kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mảnh đất Việt Nam thân yêu và gắn bó này đâu phải là lần đầu chị đặt chân tới. Nhưng lần này, đối với chị có một ý nghĩa thật lớn lao. Chị tới đây là về với “Vị cha nuôi” của mình, dù Người không còn nữa. Chị về đây, để tìm lại mình một thuở đã từng lăn lộn trong “đội quân tóc dài Việt Nam” chiến đấu trong các bưng biển “Việt cộng” và “ở miền Bắc Việt Nam viết dưới bom đạn”...

Dịp ấy, chị có một kỷ niệm thật xúc động, suốt đời còn ghi nhớ mãi. Ấy là cái đêm đoàn kịch Hải Phòng trình diễn vở *“Lịch sử và nhân chứng”*. Không ai biết chị Ma-đơ-len Ríp-phô - nhân chứng lịch sử cũng ngồi xem ở dưới. Trên sân khấu là cô gái Pháp Ma-đơ-len Ríp-phô yếu điệu với mái tóc vàng óng ả đang bồi hồi nhớ lại những khoảnh khắc lịch sử mà mình đã chứng kiến. Ở dưới khán đài, Ma-đơ-len thật, Ma-đơ-len trăm phần trăm giản dị bé nhỏ với mái tóc đen đã điểm bạc (lúc đó chị đã ngoài 60 tuổi). Tác giả một bài báo, được chứng kiến sự kiện này, đã viết:

“Trong chiếc áo lụa - món quà Bác tặng chị trong lần gặp cuối cùng vào năm 1969 trông chị càng xinh đẹp, giản dị biết nhường nào! “Chẳng lẽ người đang trên sân khấu kia lại là tôi sao? Tôi chưa bao giờ có bộ tóc vàng kiêu kỳ đến như vậy. Các bạn hãy xem, tóc tôi là màu tóc của các cô gái Việt Nam kia mà!” Chị mỉm cười và nói với các bạn Việt Nam có mặt trong đêm diễn ấy”. Ma-đơ-len Ríp-phô từng tâm sự:

“Con người ta phải lưu lại những kỷ niệm sống”.

Có lẽ, với nhà văn, nhà báo, nhà thơ của nước Pháp này, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lưu lại trong tâm hồn bằng những kỷ niệm sống nhất.

Vâng, lúc nào, kể cả những tháng ngày này, ở tuổi 74, 75, Ma-đơ-len Ríp-phô cũng nhớ tới Bác Hồ, Người đã gọi "*Con gái của tôi!*". Hiện nay, bà đang sống tại Pa-ri. Trên bàn làm việc của bà là bức ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh - *Vị cha nuôi* vô cùng kính yêu - có chữ ký đề tặng của Người. Trên bàn viết còn có một vật kỷ niệm khác từ Việt Nam: Chiếc bình hoa bằng vỏ bom bi Mỹ, cạnh đó có một bó nhang. Thỉnh thoảng bà thắp một nén nhang và ngồi lặng. Bà bồi hồi nhớ tới *Vị cha nuôi* kính yêu và những người bạn Việt Nam đã ngã xuống trên chiến trường ác liệt mà bà là chứng nhân của lịch sử.

Nhớ tới Bác Hồ là nhớ tới Việt Nam, nhớ tới nhiều bạn bè của bà trên đất nước ấy, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Linh và Luật sư Nguyễn Hữu Thọ... - những người mà bà cho rằng cũng có những đức tính rất quý như *Vị cha nuôi* của bà: khiêm tốn, giản dị, nhân hậu, dễ gần gũi với mọi người. Với Bác Hồ, họ nêu những tấm gương sáng cho những người đương thời và cho cả các thế hệ mai sau. Và nhớ tới họ, nhớ tới Việt Nam, đối với bà cũng là nhớ tới Bác Hồ. "*Tôi có nhiều, rất nhiều bạn bè trên các châu lục. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là nơi mà tình cảm tôi gửi gắm sâu nặng nhất!*" Ma-đơ-len Ríp-phô viết như vậy cho chúng ta. Và, về phía mình, chúng ta mãi mãi ghi nhận một tấm lòng, một cuộc đời đã từng sống và mãi mãi sống cho Việt Nam.

“TỪ HÔM NAY, BÁC CÓ THÊM HAI NGƯỜI CON GÁI NỮ!”

Có hai lý do khiến tôi xin gặp đồng chí Vôn-căng Bai-rôi-thơ, ủy viên Ủy ban Trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa Thống nhất Đức, ủy viên Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Dân chủ Đức. Một là, đồng chí đã từng được Bác Hồ tiếp; và hai là, trong dịp đó, đồng chí coi như trở thành “con rể” của Bác.

“*Con rể của Bác Hồ*”, tôi được một số bạn bè Đức cho biết về đồng chí Bai-rôi-thơ như thế. Bởi vì, chuyện cứ hư hư thực thực, tôi quyết định xin gặp đồng chí, dù biết rằng, đồng chí rất bận. Lẽ đương nhiên, lý do xin gặp không phải là chuyện “con rể” mà là tôi muốn ghi lại những ký ức của đồng chí qua lần được gặp Bác Hồ tại Hà Nội để có thêm tư liệu hoàn thành quyển sách viết về quan hệ của Người với các bạn Đức.

Đồng chí Bai-rôi-thơ tiếp tôi vào một buổi chiều tại trụ sở Liên hiệp Công đoàn tự do Đức. Hồi đó, đồng chí là Phó chủ tịch thứ nhất của Liên hiệp. Dáng người cao cao, tóc cắt ngắn, đồng chí giản dị trong bộ quần áo sẫm màu. Thấy tôi bước vào, đồng chí nhanh nhẹn đi tới chỗ tôi, xiết chặt tay, mời ngồi vào ghế.

Nghe tôi nhắc lại nguyện vọng của mình, đồng chí tươi cười mời tôi uống cà phê và đi thẳng vào chuyện, không rào đón, xã giao gì cả:

- Đầu tháng 5 năm 1966, tôi được giao nhiệm vụ dẫn đầu một đoàn đại biểu của Liên hiệp Công đoàn tự do Đức sang Việt Nam. Đoàn chúng tôi gồm 4 cán bộ công đoàn, hai nhà báo và một nữ đồng chí phiên dịch tiếng Pháp. Như vậy, đoàn có hai nữ: nhà báo Ha-nô-lô-rê Khau-phen và phiên dịch có tên riêng là Ua-du-la.

Vừa nghe đến tên đồng chí nhà báo, tôi xin lỗi ngắt lời Phó Chủ tịch Bai-rôi-thơ:

- Đồng chí vừa nói đến Ha-nô-lô-rê Khau-phen, có phải là nhà báo đang công tác ở Ban biên tập báo *Nước Đức mới* không?

- Đúng rồi. Đồng chí biết chị ấy à?

- Vâng. Chúng tôi cũng thỉnh thoảng làm việc với nhau. Chị ấy có yêu cầu tôi viết một số bài cho báo, chủ yếu là những vấn đề thời sự của Việt Nam...

- Tốt lắm. Chị ấy rất quan tâm các vấn đề liên quan đến Việt Nam. Kể ra cũng có lý do chính đáng. Chốc nữa tôi nói rõ cho đồng chí nghe...

Phó chủ tịch Công đoàn nói tiếp:

- Nhiệm vụ của chúng tôi là được chuyển tới giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam anh hùng những món quà đoàn kết do các tầng lớp nhân dân lao động nước Cộng hòa Dân chủ Đức quyên góp; trị giá trên 1 triệu Mác cùng một tập kiến nghị chống Mỹ rất dày với 1,2 triệu chữ ký biểu thị sự ủng hộ mạnh

mẽ toàn diện đối với cuộc chiến đấu vẻ vang của các đồng chí và các bạn Việt Nam.

Dịp ấy, chúng tôi đã được đưa đi thăm nhiều cơ sở sản xuất, chiến đấu và chứng kiến biết bao hình ảnh xúc động của công nhân, nông dân và các chiến sĩ quân đội trên đất nước này.

Và cũng trong chuyến đi ấy, một điều hân hạnh đặc biệt đã đến với chúng tôi là được Bác Hồ mời đến thăm Người. Quả thật, chúng tôi hoàn toàn không ngờ được hưởng cái diễm phúc to lớn đó, bởi vì chúng tôi vẫn nghĩ: giữa những ngày hết sức sôi động này, Bác Hồ, vị lãnh tụ tối cao của nhân dân Việt Nam đang bận rộn với biết bao công việc cấp bách, quan trọng, làm sao lại có thể dành thì giờ để tiếp chúng tôi? Hơn nữa, tuy là trưởng đoàn, hồi đó tôi mới là ủy viên Đoàn Chủ tịch kiêm thư ký Ban Chấp hành Liên hiệp Công đoàn tự do Đức, chưa đủ tư cách để được một vị nguyên thủ quốc gia tiếp. Song, chắc hẳn Người cũng không câu nệ vào cấp bậc, vào địa vị xã hội, và đã coi chúng tôi như những sứ giả của giai cấp công nhân từ một nước anh em đến với dân tộc Người trong những ngày chiến đấu quyết liệt này. Các đồng chí khác trong đoàn cũng đều xúc động và phấn khởi về cuộc tiếp của Bác Hồ, nhất là hai đồng chí nữ...

Đó là buổi chiều ngày 9 tháng 5 năm 1966.

Nói cho đúng, lúc đầu chúng tôi không hề biết sẽ được đến thăm Bác Hồ. Các đồng chí Việt Nam đưa chúng tôi tới một khu vườn tuyệt đẹp, đầy những vòm cây xanh thắm, những giọt nắng lọc qua bao

tầng lá, lọt xuống vườn cỏ, vàng như tơ, như mật. Tôi sẽ không bao giờ quên khu vườn này, nơi Bác Hồ đã tiếp chúng tôi.

Thoạt tiên, chúng tôi được hướng dẫn đến ngôi quanh một chiếc bàn kê sẵn giữa vườn, đối diện với tòa nhà mà sau này chúng tôi mới biết là nơi làm việc của Chủ tịch nước.

Từ cửa lớn của tòa nhà ấy, Bác Hồ đã đến với chúng tôi. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, bấy giờ là Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, cùng đi với Người.

Bác Hồ vui vẻ bắt tay và chào chúng tôi bằng tiếng Đức. Người hỏi thăm rất kỹ tên tuổi, công việc và quê quán từng người trong đoàn đại biểu. Chị Ua-du-la, phiên dịch, chiều nay được nhàn hơn vì các đồng chí Việt Nam có chuẩn bị một cán bộ phiên dịch tiếng Đức.

Tôi còn nhớ, Bác chỉ mặc bộ ka-ki văng nhạt đã cũ, để hở cổ và đi dép cao-su. Sự giản dị có tính truyền thuyết của Người chứa đựng một sức hấp dẫn kỳ lạ.

Trước khi tới đây, đồng chí Đại sứ của chúng tôi dặn phải mặc thật đẹp, thắt ca-vát nghiêm chỉnh. Nhưng khi đến, Bác cho chúng tôi cởi áo com-lê và ca-vát ra. Người thông cảm lắm, thời tiết ở Việt Nam vào tháng năm đã rất nóng nực. Quây quần bên Bác, chúng tôi rất dễ chịu, cảm thấy thật sự sống trong bầu không khí gia đình.

Thay mặt anh chị em trong đoàn, tôi sung sướng được chuyển lời chào của Trung ương Đảng, của giai cấp công nhân và nhân dân Cộng hòa Dân chủ Đức tới Bác Hồ và thưa với Người về những món quà

đoàn kết mà chúng tôi vinh dự được chuyển đến nhân dân Việt Nam anh hùng.

Người gật đầu hài lòng và cảm ơn trước mối tình đoàn kết quý báu đó. Người đặc biệt xúc động khi nhẹ nhàng lật từng trang trong tập kiến nghị chống Mỹ. Người nói:

- Những món quà mà các đồng chí mang sang không chỉ có giá trị vật chất mà trước hết là biểu hiện của một tư tưởng vô cùng quý báu. Trước kia, khi nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trên thế giới cũng đã có sự đồng tình ủng hộ, nhưng chưa thành một phong trào rộng lớn như ngày nay. Không chỉ người lớn tuổi mà cả các cháu thanh niên, thiếu niên và nhi đồng ở các nước cũng đều hiểu và bày tỏ tình đoàn kết với Việt Nam. Đó là một yếu tố quan trọng, một trong những bí quyết để nhân dân chúng tôi giành được thắng lợi hoàn toàn.

Rồi Người mời chúng tôi ăn bánh, kẹo, lạc rang, trái cây, uống rượu đỏ và nước ngọt. Người rút từ trong túi một hộp đựng thuốc lá bằng nhôm đã cũ ra và mời chúng tôi cùng hút. Ngồi cạnh Người, tôi lặng lẽ nhìn kỹ gương mặt thông minh và hiền từ của Người, đôi mắt sáng và chòm râu trắng hấp dẫn của Người.

Hai nhà báo của chúng tôi, nhất là chị Ha-nô-lô-rê Khau-phen, ngồi ghi chép rất mải mê. Bác Hồ nhìn về phía chị, thân mật nói:

- Nào, cô nhà báo, dừng tay một chút, ăn bánh, trái cây và uống nước đã...

Chị Khau-phen nhẹ nhàng thưa:

- Vâng ạ...

Sau cặp kính trắng, tôi thấy đôi mắt chị chớp chớp vì cảm động...

Trong câu chuyện cởi mở cùng chúng tôi, Người có nhắc đến những ngày hoạt động ở Béc-lin năm 1928. Nghe đến con số “1928”, tôi chợt liên tưởng đến cái năm tôi ra đời, tôi đâu có ngờ rằng, khi tôi còn chưa được làm người, Bác Hồ đã bôn ba hoạt động bí mật trên đất nước chúng tôi. Người ân cần thăm hỏi những biến đổi của thành phố Béc-lin, Người nhắc đến tên một vài đường phố, một vài địa điểm mà Người đã từng qua. Người quen biết nhiều đồng chí trong Đoàn Chủ tịch Đảng Cộng sản Đức do En-xơ Ten-lơ-man đứng đầu. Với riêng vị lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân Đức, đồng chí En-xơ Ten-lơ-man, Bác Hồ có nhiều dịp tiếp xúc, ở Nga cũng như ở Đức. Người rất khâm phục truyền thống đấu tranh của giai cấp công nhân Đức. Người cũng kể cho chúng tôi nghe về những năm mới ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam và quá trình phát triển, lớn mạnh của nó.

Chúng tôi lần đầu sang Việt Nam, cái gì cũng muốn nghe, muốn biết. Những kiến thức trước đây của chúng tôi về đất nước các đồng chí thật ra cũng còn chung chung, tuy rằng chúng tôi rất tự hào nhận thấy rằng, hai tiếng “Việt Nam” đã trở thành một tên gọi triu mến và thân thiết đối với 17 triệu trái tim ở Cộng hòa Dân chủ Đức. Thật vậy, sự ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt

Nam đã dần dần trở thành sự nghiệp của tất cả đoàn viên công đoàn chúng tôi, và phong trào ủng hộ Việt Nam trong thực tế đã trở thành phong trào rộng lớn nhất trong lịch sử lâu dài của giai cấp công nhân Đức.

Rất thân mật và dịu dàng, Người hỏi cảm tưởng của chúng tôi về những ngày ở Việt Nam. Chúng tôi lần lượt thưa với Bác là vô cùng phấn khởi và cảm động. Bởi vì, chúng tôi nhận thấy con người ở đây rất lạc quan, họ sống, lao động và chiến đấu rõ ràng là bình thường trong một hoàn cảnh không bình thường. Riêng tôi có nhiều dịp gặp và trò chuyện với những người thợ “tay búa tay súng”, những nông dân “tay cày tay súng”. Và các em nhỏ mới đáng yêu làm sao: vai đeo khăn quàng đỏ, đầu đội mũ rơm, tíu tít đến trường. Tôi nghĩ rằng, con người ta phải biết làm chủ vận mệnh mình và có một niềm tin mãnh liệt vào sự nghiệp cao cả như thế nào mới có thể tạo được một nhịp sống đáng khâm phục như vậy.

Chúng tôi cũng thưa với Bác rằng, các bạn Việt Nam rất mến khách. Người tiếp có thể là các đồng chí lãnh đạo Tổng Công đoàn Việt Nam, có thể là một chi tổ trưởng sản xuất, một anh hùng lao động, một người thợ dệt... Ai ai cũng dành cho chúng tôi một tình cảm anh em thân thiết. Ở đâu chúng tôi cũng được các đồng chí Việt Nam đón tiếp niềm nở và săn sóc ân cần. Cuộc thăm của chúng tôi lại diễn ra giữa những ngày nóng bỏng của thời tiết và của cả chiến tranh. Vì thế, chắc chắn là chủ nhà càng vất vả, càng lo lắng về sức khỏe và sự an toàn của chúng tôi.

Tôi càng thấm thía với những điều Bác Hồ nói về nhân dân mình. Bác nói bằng tất cả niềm tin yêu vô bờ bến, nhất là khi nhắc lại cuộc đấu tranh lâu dài của dân tộc trong suốt mấy chục năm qua, hết chống Pháp đến chống Nhật, hết Nhật đến Pháp rồi đến cuộc chống Mỹ hôm nay... Bác Hồ khẳng định cùng chúng tôi: *Lịch sử mấy nghìn năm của Việt Nam chính là lịch sử đánh giặc, lịch sử được viết bằng những thiên anh hùng ca chống ngoại xâm.*

Người đã nói về sự sụp đổ tất yếu của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở Việt Nam. Người nhấn mạnh: Cũng như đã thắng Nhật, thắng Pháp, nhân dân Việt Nam nhất định thắng Mỹ. Người khẳng định niềm tin mãnh liệt ấy chính vào lúc kẻ thù hung bạo nhất của loài người đang tiến hành nhiều bước leo thang liều lĩnh trên đất nước của Người.

Trong đoàn chúng tôi có một số đồng chí còn trẻ, nhất là hai đồng chí nữ, đã thực sự xúc động khi nghe Bác Hồ nói. Đối với bản thân tôi, đây là một ngày quan trọng trong đời, bởi vì đã được nghe và nói chuyện với một nhân vật lỗi lạc, có tầm nhìn sáng suốt, đầy trí tuệ. Bác Hồ tin yêu nhân dân mình mãnh liệt như vậy, chính vì Người từng sống thực sự cuộc đời của nhân dân, suốt đời suy nghĩ và hành động vì nhân dân. Người đến từ nhân dân và hoàn toàn thuộc về nhân dân. Chính vì lẽ ấy, có một điều khách nước ngoài rất nhanh chóng nhận thấy là các tầng lớp nhân dân rất kính yêu Người, mọi người đều cảm nhận Bác là vị lãnh tụ anh minh và là một “người Cha, người Bác, người Anh” xiết bao gần gũi, gần bó! Anh chị em

trong đoàn chúng tôi đều nhận thấy rằng, lời Bác Hồ nói thật súc tích, giản dị, rõ ràng. Dù là nói tiếng Việt hay tiếng Pháp, tiếng Đức, Người cũng diễn đạt chính xác, nói với tất cả tấm lòng. Toàn bộ nội dung, dáng điệu đều thể hiện tình cảm, nghị lực của Người. Nhiều khi chưa được dịch nghĩa, nhưng nhìn dáng điệu cũng có thể hiểu Người đang nói gì. Ua-du-la, nữ đồng chí phiên dịch của chúng tôi có lần tâm sự với tôi rằng: “Tiếng Pháp của Người rất chuẩn xác, rõ ràng, dễ hiểu, không hề cầu kỳ, phức tạp. Thật sung sướng được dịch cho một vị lãnh tụ như vậy!”.

Câu chuyện của đồng chí Bai-rô-thơ mỗi lúc một sôi nổi và thu hút tôi kỳ lạ. Tôi cũng nhận thấy, giữa đồng chí và tôi không còn sự cách biệt giữa một cán bộ lãnh đạo Đảng và Chính phủ với một nhà báo nước ngoài, mà là câu chuyện giữa những người anh em được gắn bó trên cơ sở của tinh thần quốc tế vô sản. Bởi vậy, tôi đã có thể vui vẻ hỏi đồng chí về chi tiết “*Người con rể của Bác Hồ*”. Đồng chí cười rất hồn nhiên:

- Được, được, tôi sẽ kể đồng chí nghe đầu đuôi câu chuyện. Tôi cũng đã định kể cho đồng chí nghe hôm nay...

Trong buổi chiều ấy, giữa vườn cây xanh thắm tại Phủ Chủ tịch, Bác Hồ và chúng tôi đã nói chuyện rất say sưa, đến nỗi đồng chí lễ tân kín đáo cho biết: thời gian qui định là nửa giờ đồng hồ, nhưng buổi tiếp đã quá hai tiếng rồi!

Hai giờ bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh thật là quý giá, đủ làm cho mỗi chúng tôi sung sướng đến trọn

đời mình. Tôi nói không quá đâu, bởi vì, điều cơ bản nhất là Người đã xác định cho chúng tôi một lòng tin, một cách sống.

Sau chuyến đi thăm Việt Nam, chúng tôi đã đến nhiều địa phương ở Cộng hòa Dân chủ Đức báo cáo những cảm xúc, những suy nghĩ, những điều mắt thấy tai nghe của mình. Qua những báo cáo ấy, những người lao động trong các cơ sở sản xuất càng đẩy mạnh hơn nữa phong trào đoàn kết với Việt Nam cho đến ngày toàn thắng. Họ càng tin rằng, sự đóng góp của họ cả về tinh thần và vật chất sẽ không vô ích, cho dù rất nhỏ, rất khiêm tốn trước cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt là chúng tôi đã nói nhiều về Bác Hồ. Chị Ha-nô-lô-rê Khau-phen đã viết khá nhiều trên báo. Các đồng chí đoàn viên khác thì kể lại những ấn tượng của mình tại nơi mình công tác, hoạt động. Chúng tôi đã nhân hai tiếng đồng hồ bên vị lãnh tụ tối cao của nhân dân Việt Nam thành cả một câu chuyện dài vô tận cho hàng vạn người trên quê hương mình. Làm sao lại có thể giới hạn, có thể ích kỷ trong một điểm phúc hiểm hoi, một niềm vui chính đáng như vậy!

Nói đến đây, đồng chí Bai-rôi-thơ nhắc chị thư ký rút cho chúng tôi cốc cà phê mới. Rồi nhìn tôi, đồng chí nở một nụ cười thật hạnh phúc và nói tiếp:

- Bây giờ tôi trả lời cái điều đồng chí muốn biết đây... Khi chia tay chúng tôi, Bác Hồ nói với Ua-du-la và Ha-nô-lô-rê rằng: “Từ hôm nay, Bác có thêm hai người con gái nữa!”. Nghe Bác nói, hai nữ đồng chí

sung sướng quá, cùng xin phép được ôm hôn người Cha thân yêu và vĩ đại của mình.

Bác Hồ còn gửi lời chào thăm gia đình của hai chị. Bác cười:

- Bác chúc hai cháu sẽ có nhiều con!

Chúng tôi đều lấy làm thú vị và cười vui vẻ... Và tôi xin thổ lộ với đồng chí một chi tiết thuộc đời riêng của tôi: nữ đồng chí Ua-du-la, phiên dịch của chúng tôi, "*Người con gái của Bác Hồ*", sau chuyến đi ấy đã trở thành người bạn đời của tôi. Tình duyên của chúng tôi đã nảy nở trong những ngày ở Việt Nam, đất nước của tình thân yêu, đất nước mà lúc nào cũng thấp thoáng trong tâm tưởng của chúng tôi hình ảnh của Cha Hồ. Chúng tôi đã có 3 con, so với người Đức như vậy là đông con rồi đấy! Chúng tôi đã thực hiện tốt lời chúc vui của Bác Hồ. Nhưng, hỡi là Người chưa biết rằng, tôi đã thành "con rể" của Người...

*

* *

Chia tay đồng chí Bai-rôi-thơ, tôi chân thành cảm ơn đồng chí về câu chuyện thú vị chiều nay và trân trọng nhờ đồng chí chuyển lời chào của tôi tới chị Ua-du-la, dù chưa quen biết. Chưa được gặp chị, song qua những tấm ảnh đồng chí Bai-rôi-thơ cho tôi xem, tôi thấy chị là một phụ nữ rất đẹp và duyên dáng. Chị có mái tóc đen cắt ngắn rất gọn gàng.

Còn chị Ha-nô-lô-rê Khau-phen thì tôi còn được gặp nhiều lần. Hai anh chị đã đến Phân xã Thông tấn xã Việt Nam dự những cuộc liên hoan thân tình giữa

những người bạn, những người đồng nghiệp. Tôi có kể cho chị Khau-phen về cuộc gặp đồng chí Vôn-căng Bai-rô-thơ và có ý trách xa xôi: chị có một vinh dự lớn trong đời mà chẳng hề cho tôi biết... Chị hiểu ý tôi. Chị cười triu mến và nói bằng giọng thật trong trẻo:

- Đã có lúc tôi định nói với anh, nhưng lại thôi, chỉ vì, từ trong tâm khảm mình, tôi muốn lặng lẽ, kiên trì phấn đấu, làm việc thật tốt để thật sự xứng đáng với người Cha đỡ đầu của mình...

Hôm kết thúc thời gian công tác ở Đức để trở về đất nước, tôi được chị Ha-nô-lô-rê Khau-phen và chồng chị tiễn đưa với một tình cảm hết sức thân tình. Lúc này chị thôi công tác ở báo Nước Đức mới mà chuyển sang đảm nhận một chức trách mới: Làm Tổng Biên tập một tạp chí thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. Trao cho tôi bông hoa tuyệt đẹp, chị nói, giọng run run:

- Hẹn một ngày gặp lại anh trên quê hương của Bác Hồ...

CÒN NHỮNG AI ĐƯỢC BÁC ĐỖ ĐẦU?

Trong khi viết quyển sách này, câu hỏi trên đây lúc nào cũng hiển hiện trong đầu tôi. Những gì tôi đã kể qua các chương trước, thật ra còn rất ít, so với những quan hệ đầy tình nghĩa mà Bác Hồ của chúng ta từng có trong cuộc đời vô cùng phong phú của Người. Suốt 30 năm có lẽ, cuộc bôn ba tìm đường cứu nước của Bác Hồ đầu thế kỷ kéo dài trong một không gian rộng lớn của gần 30 nước thuộc hầu hết năm châu của trái đất này. Và từ khi nước Việt Nam bước vào kỷ nguyên của độc lập - tự do, Bác lại có những cuộc hành trình đầy tình hữu nghị tại nhiều nước anh em, từng gắn bó với bao nhiêu con người thuộc mọi chủng tộc, màu da, tôn giáo, chính kiến. Tư tưởng nhân văn của Người thấm đậm trong mỗi việc làm, trong từng câu nói, trong mọi cử chỉ xử thế, có một sức hấp dẫn thật kỳ lạ. Chợt nhớ những ngày Luật sư Lô-dơ-bai được Bác mời sang thăm Việt Nam, các tầng lớp nhân dân ta trân trọng bày tỏ lòng cảm ơn đối với Luật sư trong việc cứu sống Bác Hồ. Luật sư chân thành đáp lại: “Không, không phải là tôi đã cứu Người mà chính là chủ nghĩa nhân đạo của Người!”.

Chủ nghĩa nhân đạo ấy là cái gốc tạo nên sự hấp dẫn của Người, làm cho không chỉ chúng ta - những người Việt Nam - mà các bạn quốc tế cũng gọi Người là *Cha*, là *Bác*, là *Anh*. Với chủ nghĩa nhân đạo cao cả của Người, mọi hàng rào của lễ tân đều bị phá vỡ, để trái tim của con người có thể tìm đến những trái tim con người. Bác từng gọi đồng chí Vin-hem Pích, nhà cách mạng kiệt xuất của giai cấp công nhân Đức là *"người anh thân yêu của tôi"*. Người kết nghĩa anh em với Đại tướng Trần Canh (Trung Quốc). Với Giô-rít I-ven, nhà điện ảnh xuất sắc Hà Lan, Người nói: *"Tôi nhiều tuổi hơn, tất nhiên là anh. Chú ít tuổi hơn, tất nhiên chú là em. Có phải không nhà quay phim Giô-rít I-ven?"*. Bác kết nghĩa anh em với cả Tổng thống In-đô-nê-xi-a Xu-các-nô; nghe đâu vợ chồng Tổng thống từng có ý định tìm một phụ nữ xứng đáng để làm bạn đời với Bác. Người nói với nữ nhà báo Cu-ba Mác-ta Rô-hát: *"Tôi vô cùng yêu mến nhân dân Cu-ba"*. Đúng như câu thơ Tố Hữu từng cất lên:

"Bác ơi, tim Bác mênh mông thế"

Ôm cả non sông, mọi kiếp người!"

Về cuối đời, khi viết Di chúc, Người có ý định để lại *"muôn vàn tình thân yêu"* không chỉ riêng cho nhân dân ta mà cả cho bạn bè trên thế giới. Trong thư gửi cho bác sĩ Vũ Đình Tụng sau khi được tin một người con của bác sĩ - một chiến sĩ tự vệ thành Hà Nội, chiến sĩ *"sao vương"*, hy sinh, Bác viết: *"Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột!"*.

Và với một gia đình người Nga, Bác từng nói: *“Tất cả trẻ em trên thế giới đều là con tôi!”*

Như vậy, Người đã nhận thế hệ trẻ của đất nước ta, của cả thế giới là con của Người.

Được đọc hàng chục tập hồi ký về Người, tôi cảm nhận rằng, bất cứ ai, dù là cán bộ cao cấp, dù là một chiến sĩ quân đội, một người dân bình thường, sau khi được gặp Bác, đều sung sướng như được gần người Cha, người Bác, người Ông thân yêu nhất. Thân yêu đến mức như huyền thoại. Các em bé cảm thấy Người như một ông tiên, đồng bào tôn giáo tôn kính Người như Thánh, như Phật, các cụ già người Dao Đeo Tiên coi Người như “con trời”, “còn Thánh hơn cả Thánh”. Người thợ lại có cảm giác mỗi căn nhà, mỗi lối đi đã in dấu chân Bác tự nhiên như có linh hồn. Chị E.An-đơ-hôn, một nhà ngoại giao Đức, nhớ lại thời niên thiếu: *“Tôi thường được đọc và được nghe thấy tên Hồ Chí Minh, Việt Nam ở khắp mọi nơi, trên các phương tiện thông tin đại chúng. Lúc đó trong tôi - một đứa trẻ Đức - chỉ hai nhân vật thần bí: một là ông già Nô-en và hai là Hồ Chí Minh...”*.

Thần bí, nhưng đâu có xa lạ. Trong mỗi tâm hồn, Người gần gũi vô cùng, dù ai chưa gặp vẫn cảm thấy đầy đủ Người trong hình dáng bằng da bằng thịt, trong tiếng nói ấm áp, trong ánh mắt và nụ cười đôn hậu biết bao...

Nhà văn Nga I-ri-na Lép-tren-cô còn nhớ mãi *“đôi mắt lạ thường của Người - đôi mắt trẻ trung, sáng ngời...”*. Chị đã được “Người hỏi một cách âu yếm như người cha hiền từ”:

- “Cháu đến đã lâu chưa?”

Chị I-rê-nê Mô-đê, phiên dịch người Đức, trong những ngày giúp việc Bác, cảm thấy “Bác có sự quan tâm như của một người Cha đối với con”. Trong *“Nhật ký phiên dịch”*, chị viết: *Người là Chủ tịch nước, nhưng có lẽ những ai vinh dự có lần gặp Người đều không nghĩ rằng Bác đứng ở một vị trí khác biệt mà trái lại rất gần gũi như một người cha, một người anh lớn... Phải sống sâu sắc và từng trải lắm mới đạt được sự hài hòa kỳ diệu ấy, sự hài hòa giữa cái cao cả và cái bình dị!* Nữ đồng chí Gian-nét Véc-mét Tô-rê, vợ cựu Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp Mô-rít Tô-rê, cho biết: Chồng bà và Hồ Chí Minh “yêu mến nhau như hai anh em” và mỗi lần Người đến, “cả nhà chúng tôi đổ ra chào đón Chủ tịch, coi như người trong nhà. Chúng tôi thật sự như người một nhà”. Bà nhận xét: Bác Hồ “rất yêu thích trẻ em”, “rất quan tâm đến người mẹ đẻ ra bà”. Còn cụ bà Ma-ri ở Tiệp Khắc, cứ nhớ mãi hình ảnh Bác Hồ đến thăm đài kỷ niệm mồ chôn người tập thể bị phát xít tàn sát ở Li-đi-xe khi Người “rút khăn tay, lặng lẽ lau nước mắt”.

Trong hồi ký *“Nhớ Bác Hồ ở trường quốc tế Lê-nin”*, bà Li-đi-a Xa-môi-lốp-na Phác-tơ, người Nga, vốn làm việc với Bác Hồ năm 1935, nhận xét Bác là người *“bao giờ cũng điềm tĩnh và đặc biệt rất yêu thích trẻ con”*. Bà kể:

“Vào dịp tôi sắp sinh cháu, đồng chí Lin (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này - T.G) ái ngại cho tôi vẫn cứ phải lên dịch trong những buổi thuyết trình. Đồng chí đã dịch giúp tôi trong một số buổi. Tất nhiên đồng chí không phải là người phiên dịch chuyên nghiệp, nên

có lần tôi góp một vài ý, đồng chí vui vẻ nói: “Bạn thân mến. Tôi sẽ cố gắng để bạn yên tâm”. Tôi sinh cháu trai vào ngày 13-8-1936. Nhà tôi là một học viên trong nhóm nói tiếng Tây Ban Nha. Chúng tôi sống với nhau được rất ít, vì nhà tôi trở về nước hoạt động. Biết tin tôi sinh cháu, đồng chí Lin và nhiều học viên đã mang hoa đến mừng tôi. Sự quan tâm của đồng chí đến mọi người là điều tôi không thể nào quên...”.

Bà mẹ Cam-pu chia tên là Krinh Siêng Huôi từng giữ gìn tấm hình của Bác Hồ suốt bốn năm trong thời Pôn Pốt. Đó là tấm hình bằng khổ lụa lớn 50x80. Kể lại chuyện này với một nhà báo trẻ Việt Nam, mẹ nói:

- Ba năm tám tháng hai mươi ngày, mẹ đã mặc tấm áo này giữ kín tấm hình của Bác. Chỉ đến tối mẹ mới dám cởi ra... Mồ hôi của mẹ đã thấm vào tấm hình nên bị ố mất một góc đó con à. Kể cũng lạ, bốn năm trời bọn chúng khám xét dữ dằn thế mà chúng không tìm ra hình Bác. Mẹ cứ nghĩ là Bác thương mẹ nên Bác phù hộ cho mẹ đó!

Chị Khăm-phon Phim-ma-xêng, nguyên Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ Lào; nữ nghệ sĩ A-li-xi-a A-lông-xô, anh hùng lao động Cu-ba; nữ nhà văn Bun-ga-ri Blaga Đì-mi-tơ-rô-va... và bao nhiêu bạn bè quốc tế khác đã viết nên những trang hồi ký xúc động về Người. Những kỷ niệm vô cùng ấm áp về tình cảm của Người. Với nỗi niềm tiếc thương vô hạn khi được tin Người vĩnh biệt cõi đời này nữ đồng chí Giô-han-na Grôt-thơ-vôn từng viết: *“Ngày mừng ba tháng chín năm một nghìn chín trăm sáu mươi chín, được tin Bác Hồ qua đời, tôi đau xót rụng rời như khi được tin cha tôi mất. Nhưng rồi, sau những giờ phút nặng nề, đau*

buồn nhất, tôi tự hỏi: Có lẽ nào, có lẽ nào một bậc vĩ nhân như Chủ tịch Hồ Chí Minh lại từ già cõi đời này được? Không! Không! Người với đôi mắt của người chiến sĩ, của người chiến thắng, của một nhà thơ, đôi mắt của một vị lãnh tụ, của một người cha thân yêu vẫn đang sống cùng chúng ta. Đôi mắt ấy không bao giờ khép. Người vẫn nhìn rõ bước đi của dân tộc mình, của mỗi chúng ta. Bằng đôi mắt ấy, suốt cả đời mình, Người đã nhìn trước những bước đường của nhân dân và đã chỉ cho nhân dân đi tới tương lai hạnh phúc, huy hoàng”.

*

* *

Trong chuyến đi thăm chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Đức vào tháng 7-1957, Bác Hồ đã về thăm xí nghiệp và thành phố Ai-den-huyt-then-xtát, một công trình xây dựng mới hoàn thành vừa mọc lên trước đó 6 năm, từ một cánh rừng và một bãi cỏ rậm, bên bờ sông Ô-đơ giáp biên giới với Ba Lan. Trong chuyến đi thăm này, Bác đã làm quen với ba cháu gái - con của các gia đình công nhân trong thành phố - đến dâng hoa cho Bác. Đó là Ma-git Uy-be-se (Margit Uberscheer), Han-nô-lô-re Pát-xên (Hannalore Patzel) và Di-bi-le Kha-lơ (Sybille Kahl). Trên thành phố mới, giữa làn mưa rắc nhẹ, Bác cầm tay các cháu nhỏ, vừa đi vừa nói chuyện rất triu mến với các cháu. Tám ảnh chụp các cháu quần quít bên Người đã thành biểu tượng cho lòng yêu mến của thiếu nhi nước bạn đối với Bác Hồ.

Năm 1968, nhân kỷ niệm sinh nhật lần thứ 78 của Người, theo chỉ thị của lãnh đạo thành phố, tờ báo thuộc Đảng bộ địa phương đã cho in tấm ảnh đó và hỏi xem các cô bé ngày trước hiện nay ở đâu. Chỉ 8 tiếng đồng hồ sau khi tờ báo phát hành, có 2 cô gái và một người mẹ trẻ đã đến trình diện trong tòa báo. Cả ba người được mời đến đội sản xuất mang tên anh hùng Nguyễn Văn Trỗi để bàn việc viết thư chúc thọ Bác Hồ. Lá thư của đội “Nguyễn Văn Trỗi” khá dài, đã được Bác Hồ cho đăng toàn văn lên trang nhất báo Lao động của Tổng Công đoàn Việt Nam (số ra ngày 13-7-1968). Bức thư của ba cô gái viết:

“Kính thưa Bác Hồ!

Như cách đây 11 năm, Bác đã cầm tay chúng cháu và chúng cháu sung sướng được đi với Bác trong thành phố Ai-den-huyt-then-xtát, những năm qua, xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước chúng cháu đã dẫn dắt chúng cháu vào cuộc sống. Chúng cháu đã trở thành những đội viên tốt trong Đội thiếu niên “En-xơ Ten-lơ-man”, sau đó thành những đoàn viên tích cực của Đoàn Thanh niên xã hội chủ nghĩa và ngày nay chúng cháu đang học nghề hóa chất nông học, vẽ thiết kế máy và kỹ thuật cơ khí viễn thông. Trong mỗi bước đi trong đời, chúng cháu không bao giờ quên tình đoàn kết với tất cả các dân tộc đang đấu tranh cho tự do. Trong tương lai, chúng cháu cũng hành động như vậy. Đặc biệt là với nhân dân Việt Nam hiện nay đang đấu tranh cho tự do của mình”.

Bác Hồ rất vui khi nhận được thư của ba cháu gái cũng như của đội “Nguyễn Văn Trỗi”. Người đã viết

thư và gửi quà cho họ, ủy nhiệm cho Đại sứ quán Việt Nam tại Béc-lin chuyển đến tận tay.

Cũng trên đất Đức, mùa hè năm 1957 ấy, Bác có những cuộc tiếp xúc vô cùng thân ái với các cháu nhỏ tại những nơi Người đến, như ở trại hè thiếu nhi “Hen-mút Giút” thuộc vùng Bi-ơ-xen-tan; ở trung tâm thành phố Dre-xden với hàng loạt thanh thiếu niên đến xin chữ ký của Người, ở cảng Rô-xtốc với các cháu nhi đồng dâng lên Người những bó hoa tươi thắm và những lọ thủy tinh cắm hoa được chạm trổ hết sức tinh xảo. Đến thăm vườn bách thú Béc-lin, Người yêu cầu phải có trẻ em, tiếc thay, đúng vào lúc các cháu đi nghỉ hè ở vùng biển và trên núi cao, nên chỉ có cậu bé Phrăngơ (con trai ông Giám đốc) được vinh dự dâng hoa lên Bác và cùng đi với Người trong suốt thời gian ở vườn bách thú. Với con gái của Chủ tịch nước Vin-hem Pích, với hai con trai của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đức Mác Rai-man, Người cư xử rất ân cần...

Những tình cảm như thế, từ lâu lắm, được kể lại sinh động như những trang huyền thoại vô cùng đẹp đẽ. Hẳn là ai cũng biết câu chuyện một ngày hè 1946, Bác Hồ sau bữa tiệc chiêu đãi ở Pa-ri, đã dành quả táo cho em nhỏ của nước Pháp, cũng như xưa kia, khi còn làm phụ bếp ở Anh, mỗi lần rửa bát đĩa, Bác để riêng những thức ăn thừa, gói vào một gói, lúc ra về mang cho những người nghèo khổ ăn xin ngoài đường.

Vào năm 1946 ấy, trên cương vị Chủ tịch một quốc gia độc lập, Bác sang Pháp. Ngoài những công việc lớn lao, Bác có thêm những quan hệ tình cảm tốt đẹp với bao nhiều đồng chí, bạn bè, kể cả nhận hai người

con gái Pháp làm con đỡ đầu. Khi viết về hai người con gái đó, tôi lại nhớ nhiều mẩu chuyện do Trần Dân Tiên kể trong quyển sách giản dị mà hấp dẫn: *“Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch”*.

Chúng ta hãy đọc lại bức thư của Bác Hồ viết trước khi Người rời Pháp bí mật sang Nga, gửi cho ông B., một luật sư người Ang-ti. Ông B. có hai đứa con, một cháu gái tám tuổi và một cháu trai bốn tuổi, được Bác rất yêu và cũng rất yêu Bác Hồ. Sau đoạn dài viết cho ông bà B. và các bạn chiến đấu khác, bức thư dành những tình cảm trìu mến cho hai cháu nhỏ:

“Bây giờ, một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu, phải không các cháu? Chú sẽ nói với những bạn nhỏ Việt Nam là các cháu rất ngoan. Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt Nam.

Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu chú sẽ không thấy cô A-lít-xơ (Alice) và cậu Pôn (Paul) của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu đã lớn bằng ba và má. Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé A-lít-xơ và cậu bé Pôn thân yêu của chú.

Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Ma-ri-uyt (Marius) của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho Tổ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú.

Chú Nguyễn”

Chúng ta có thể hình dung gia đình ông B. và các vị khách xúc động biết nhường nào khi nghe thư của Người để lại. Nhất là hai bé Pôn và A-lít-xơ ngày ấy. Chúng đã ngơ ngác hỏi bố mẹ: “Chú Nguyễn đi đâu? Khi nào chú ấy trở lại?” Bà B. đã ôm chặt lấy hai con mà nói với một niềm tin: “Chú ấy sẽ trở lại khi nào nước chú độc lập”.

Ngót 20 năm sau đó, nước Việt Nam của “chú Nguyễn” đã độc lập, và chú trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là “Bác Hồ” của tất cả thiếu nhi Việt Nam. Không rõ A-lít-xơ và Pôn có biết không và họ ở đâu, vì sau đó không thấy nói về mối liên hệ của gia đình ông B. và Bác Hồ của chúng ta...

*

* *

Bạn đọc thân mến, chắc là bạn sẽ trách tôi: Tại sao trong quyển sách này chỉ thấy nói về những người con đỡ đầu của Bác Hồ ở nước ngoài mà không thấy viết về những người trong nước?

Thú thật, cho đến hôm nay, chưa thể khẳng định ai là người được Bác Hồ chính thức nhận là con đỡ đầu hoặc con nuôi của Người. Nhưng, người được Bác thương yêu, chăm sóc triu mến như những người con, người cháu thì nhiều, nhiều vô kể... Và lại, Bác kính yêu từng viết: “Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu tôi” đấy thôi!

Riêng những người được Bác đặt tên cũng đã có tới mấy chục người. Rồi đây, tôi sẽ tập trung kể về họ - những người sung sướng được Bác khai sinh cho lần thứ hai.

Trong những người đó, tôi xin nhắc đến trường hợp chị Nông Thị Trưng, người con gái Nùng ở Cao Bằng được “ông Ké”, “chú Thu” nhận là cháu và đặt tên là Trưng, ý muốn nhắc nhở chị noi gương Bà Trưng, Bà Triệu là những phụ nữ anh hùng của dân tộc ta. Chị từng được Bác dạy học, tặng vở và rèn luyện, kết nạp vào Đảng. Có lần, Bác cho chị ba đồng để mua vải may quần áo mặc theo lối địa phương cho khỏi lộ. Nhắc lại những năm tháng ấy, chị Trưng nói: *“Tôi vô cùng cảm động. Trước cảnh nhà tan cửa nát, tôi mang nặng trong lòng nỗi buồn phiền gần như tuyệt vọng, con đường cách mạng tôi cảm thấy dường như chỉ có đau khổ mất mát. Nhưng từ lúc gặp chú Thu, tôi như hươu non lạc rừng gặp mẹ, cá lạc xa lại về vực cũ. Chú Thu đã trút giúp tôi hết gánh buồn phiền, khiến tôi tin tưởng vào tiền đồ cách mạng và mong muốn hoạt động nhiều hơn”*.

Bà Nguyễn Thị Định, vị nữ tướng, người con gái nổi tiếng Bến Tre, lần đầu được gặp Bác vào mùa xuân 1946.

Lần ấy, bà cùng một số đồng chí được ăn cơm với Bác trong không khí gia đình, được Bác hỏi thăm mọi chuyện, từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, từ chuyện riêng đến chuyện chung. Bà nói rằng, “Bác là người cha đã hiểu thấu tâm tình của các con”. Trong câu chuyện của mình, bà đã kể tới má Năm ở quê hương bà, được bà con gọi với cái tên thân thương là “Con gái Cự Hồ”.

Được làm “con Cụ Hồ” là niềm vinh dự lớn lao của mỗi người dân một nước độc lập, tự do. Cả nước, từ Nam chí Bắc, đều hướng về Người, nghe theo lời Người, muốn làm nhiều việc ích quốc lợi dân và được báo cáo với Người. Gần đây, tôi được đọc lại một bức thư đăng trên báo Cứu Quốc, số ra ngày 30-11-1945, của nhi đồng làng Hòa Xá, huyện ứng Hòa, tỉnh Hà Đông cũ. Bức thư đã 53 năm tuổi, đọc lại vẫn gợi nhớ cả một thời sôi động.

“Cụ Hồ yêu quý!

Chúng con là nhi đồng làng Hòa Xá, phủ Đội Bình, tỉnh Nguyễn Trãi (Hà Đông) xin thưa với Cụ mấy lời: Chúng con vừa diễn kịch thu được 200 đồng, đáng nhẽ chúng con mua sách báo, tranh ảnh chơi chung, nhưng chúng con thấy bọn Pháp xâm lấn Nam Bộ, nên chúng con không muốn tiêu dùng, chúng con xin nhờ Cụ mua súng đạn gửi vào cho dân quân Nam Bộ bắn vào đầu quân giặc...

Chúng con

Nhi đồng làng Hòa Xá”

Ở Khu 8, Nam Bộ, một họa sĩ trẻ, sau buổi lễ kỷ niệm Độc lập 2-9-1947 tại Đồng Tháp Mười, đã chích máu ở cánh tay ra vẽ bức tranh Bác Hồ với nhi đồng ba miền Bắc-Trung-Nam. Đó là họa sĩ Diệp Minh Châu mà ai ai cũng biết. Khi gửi bức tranh này tặng Bác, họa sĩ có viết một bức thư để nói lên lòng thương mến vô hạn của anh đối với Người.

“Kính gửi Cha già: Hồ Chí Minh

Kính Cha,

Từ hai năm nay, tin Cha, vang theo tiếng gọi của Cha, con đã đưa nghệ thuật của con nhẩy vào hàng

ngũ Vệ quốc đoàn khu Tám. Cách mạng tháng Tám mà Cha già lãnh đạo đã giải phóng cho nghệ thuật của con. Hôm nay, trong cảnh vĩ đại của ngày Lễ Độc lập chưa từng có ở Nam Bộ, sau khi nghe lời “Tuyên ngôn độc lập” của Cha, lời kêu gọi thống thiết hùng mạnh của Cha, và lời ca Hồ Chí Minh muôn năm của đoàn Thiếu sinh Nam Bộ, con đã cảm xúc vô cùng và vừa khóc, vừa cắt lấy dòng máu trong cánh tay niên thiếu của con để vẽ hình Cha và ba em nhỏ Trung-Nam-Bắc đương xúm đầu lại dưới chòm râu của Cha, trên nền lụa mà quân đội ta đã đánh tan quân địch đã chiếm lấy ở trận Giồng Dừa hồi tháng 4-1947.

Thấy máu con chảy mọi người hốt hoảng băng bó, lo ngại. Con trả lời: Máu con là máu của Cha truyền cho, máu của con là máu của dân tộc, con có dám làm gì hao phí máu con đâu! Tất cả thân con, đời con là của Cha rồi.

Con trân trọng gửi bức họa bằng máu của con đây lên Cha già để tỏ lòng biết ơn Cha đã giải phóng cho nghệ thuật của con, để tạo cho thể xác và linh hồn con thành lợi khí đấu tranh của cuộc Cách mạng giải phóng dân tộc.

Kính chào Cha.

Khu 8, 2-9-1947”

Từng câu, từng chữ trong thư thật cảm động. Đó là tình cảm của cả một thế hệ dành cho vị Cha già. Bác Hồ đã nhận được bức tranh của Diệp Minh Châu và càng hiểu tấm lòng của miền Nam đối với Người. Bác thường nói: “Miền Nam trong trái tim tôi”, “Miền Nam là máu của máu chúng ta, miền Nam là thịt của thịt chúng ta”. Bác với miền Nam, tình cảm ấy được

diễn đạt thật súc tích trong hai câu thơ Tố Hữu “*Bác nhớ miền Nam - nỗi nhớ nhà; Miền Nam mong Bác - nỗi mong Cha*”...

Riêng với Diệp Minh Châu, trên suốt đường đời, Bác Hồ là người Cha tinh thần của anh. Trong kháng chiến chống Pháp, vào năm 1951, anh được ra Việt Bắc ở bên Bác gần 6 tháng trời, được Bác ân cần chăm sóc, dạy bảo. Thời gian ấy để lại trong anh biết bao kỷ niệm đẹp đẽ. Như mẩu chuyện anh kể sau đây:

“Một hôm, hai bác cháu ngồi nghe đài phát thanh, Bỗng Bác gọi:

- Chú Châu, qua đây!

Tôi sang ngồi cạnh Bác. Bác kéo đầu tôi ghé cạnh Bác, trở ra khung cửa sổ. Một mảnh trăng hình lưỡi liềm vừa nhô ra khỏi núi, tỏa sắc xanh huyền ảo xuống dãy rừng xa. Bác nói:

- Cửa chú đấy!

Kể lại chuyện này, Diệp Minh Châu nói: “Cái gì đẹp, thơ mộng Bác đều cho là của nghệ sĩ và muốn dành cho nghệ sĩ. Thực ra, Bác đã tạo ra sắc thái mới cho trời đất, núi sông và cả dân tộc này”.

Cho phép tôi tiếp tục kể về “những người con miền Nam” của Bác. Một trong những người đó là chị Trần Thị Nhâm (tức Lý). Ngày còn nhỏ ở quê, chị “luôn luôn có cảm giác Bác Hồ là ông mình”. Sau này, chiến đấu trong lòng địch, bị Mỹ- ngụy tra tấn hết sức dã man, chị được đưa ra miền Bắc cứu chữa, được Bác hết sức yêu thương, gọi chị là “cô gái miền Nam anh hùng”, hoặc “cô gái miền Nam của Bác”, là “cô khách quý miền Nam”, “cô khách quý Quảng Nam”... Chị được Bác dành cho cái lệ riêng: Được đến Phủ Chủ

tịch vào mỗi buổi chiều thứ 7. Thỉnh thoảng, Bác giữ chị lại ăn cơm và thức ăn thường là những thứ “cây nhà lá vườn” do tay Bác tự trồng tự nuôi. Chị nói: “Được về với Bác, tôi tưởng được về với người cha yêu quý nhất, như được sống với gia đình thân thương nhất”. Bác chăm lo sức khỏe cho chị: hồi còn đau chưa ăn được cơm, Bác gọi chị vào cho ăn cháo đậu xanh, có lúc tặng chị hoa hồng. Được về bên Bác, chị nghĩ Bác như ông tiên trong truyện cổ tích. Chị cho biết: Bác rất vui “vì chị có người yêu chung thủy”.

Ngày chị mới ra Bắc, tuần nào Bác cũng đến bệnh viện Việt-Xô thăm chị, và mỗi khi thấy chị mê man bất tỉnh, Bác lại khóc. Bác ân cần đặt tay lên đầu chị, nơi có vết thương to nhất rồi hôn lên trán chị, giọng Bác trầm nhỏ:

- Hôm nay cháu đỡ sốt rồi đấy. Cháu đã tỉnh lại và đã nhận ra Bác.

Chị khóc rưng rức. Bác dỗ dành:

- Lý nín đi. Nín đi rồi kể chuyện miền Nam cho Bác nghe.

Bác nghe cháu đây, nhưng điều quan trọng là cháu không được buồn. Cháu không buồn thì lần sau Bác mới đến thăm.

Chị kể: “Mỗi lần vào thăm, Bác xem những vết thương của tôi. Đôi mắt mênh mông của Người rưng rưng. Rồi Bác khóc khi thấy từ trên người tôi, những con giòi nơi các vết thương bò ra. Các thầy thuốc kể rằng, mặc dù chăm sóc rất chu đáo, các vết thương trên người tôi vẫn cứ thối rữa. Điều đó làm Bác hết sức lo lắng”.

Sau này, sức khỏe khá hơn, ăn được cơm, chị thỉnh thoảng được Bác giữ lại cùng ăn với Bác. Bác gấp thức ăn cho chị, nhắc chị ăn cho no. Có lần, đang ăn, Bác hỏi chị:

- Cháu có biết bà con Quảng Nam thích ăn và hay đãi khách món gì không?

Chị Lý lúng túng, chưa biết trả lời thế nào, Bác nhắc:

- Cháu còn nhớ món bánh tráng đậu không? Cả món bánh tráng cuốn với rau muống sống nữa. Hôm nào Bác phải thết cháu, cô khách quý Quảng Nam, món đó mới được!

Có một lần, vào thăm Bác, chị được đồng chí thư ký riêng của Người cho biết Bác đang làm việc trên nhà sàn. Tiện tay, chị ngắt năm bông hồng ở vườn lên tặng Bác. Khi nhận hoa, Bác nói: “Bác chỉ còn 19 bông hồng. Cô gái miền Nam ngắt mất 5 bông - vậy là chỉ còn có 14 bông ở phía bên trái.

Một lần khác, chiều ngày 1 tháng 10 năm 1968, tại Hà Nội (đây là thời gian chị an dưỡng tại Nghi Tâm, Quảng Bá), chị được Bác Hồ tặng một bó hoa nhựa tại K5A. Bó hoa nguyên là của một bác sĩ người Chi-lê tặng Bác. “Bây giờ Bác tặng lại nó cho cô gái miền Nam anh hùng”. Bó hoa ấy được cắm trong cái lọ bằng nhựa do đồng chí Nguyễn Chí Thanh tặng chị.

Chị Trần Thị Vân, hơn 4 năm trời bị giam cầm, tra tấn bằng đủ mọi cực hình tàn nhẫn của Mỹ-ngụy. Người con gái kiên cường ấy vô cùng xúc động khi được gặp Bác Hồ cùng các đồng chí miền Nam ra Bắc. Chị kể: “Bác vậy chúng tôi ngồi xuống rồi gọi tên tôi

trước tiên. Tôi mừng quá, mất cả bình tĩnh, tôi đứng lên lại ngồi xuống rồi đứng lên, giọng run run:

- Thưa Bác, cháu đây ạ. Cháu vẫn còn sống và hôm nay cháu được gặp Bác. Cháu mừng... mừng quá, Bác ơi!

Bác nói với chị:

- Cháu còn sống, được thấy Bác, Bác được gặp cháu là quý rồi. Cháu còn sống, Bác rất mừng!

Những người con từ miền Nam được gặp Bác thường hỏi Người:

- Bác ơi, Bác có mạnh không?

- Mỗi bữa Bác ăn được mấy chén cơm?

Đúng là những câu hỏi như con hỏi cha trong gia đình. Và họ nghẹn ngào nói:

- Chúng con có lỗi vì chưa quét được Mỹ-ngụy để rước Bác vô thăm miền Nam.

Còn nhớ chị Mỹ Đoan, một cán bộ Tây Nguyên, nói tiếng Kinh chưa sõi, từ lúc nhìn Bác cứ ôm mặt khóc thút thít. Bác âu yếm vỗ vai chị và dỗ như cha dỗ con: “Nín đi! Bác vẫn khỏe lắm mà, mỗi bữa Bác vẫn ăn hết 3 chén cơm đấy!”. Chị khóc nức lên, giọng run run:

- Bác ơi, cái bụng người Tây Nguyên thương Bác nhiều lắm!

Bác dịu dàng nhìn mọi người, nói:

- Các cháu gái không được khóc, phải vui chứ. Lại đây kể chuyện đánh Mỹ của bà con ở tiền tuyến cho Bác nghe đi!

Mọi người lau nhanh nước mắt, cùng ngồi quây quần bên Bác - người cha già yêu thương vô hạn.

Chị Nguyễn Khánh Phương vốn là cán bộ của Đoàn đại diện đặc biệt của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ngày 12 tháng 6 năm 1969, đã được Bác gọi vào cùng một vài cán bộ nữa. Bác tiếp các đồng chí ngay tại nhà ở như những người thân trong gia đình. Chị ngồi cạnh Bác, quạt cho Bác, “như con gái về thăm ba”. Dịp ấy, nhìn cây vú sữa đồng bào miền Nam gửi tặng được Bác ngày ngày chăm sóc, cao quá mái nhà sàn của Bác, chị nghĩ đến “người Ông trồng cây cho con cháu ăn quả đời đời”.

Tiến sĩ Hoàng Xuân Sính, mùa thu năm 1946, đang học ở trường nữ sinh duy nhất của Hà Nội, cùng bạn bè được Bác đến thăm. Chị nhớ mãi “gương mặt hiền từ và giọng nói ấm áp của Bác” và khi được Bác dạy phát âm tiếng Anh, chị sung sướng như được “một bà mẹ hiền âu yếm dạy con tập nói những tiếng nói bập bẹ đầu tiên”.

Một trí thức khác, chị Như Quỳnh, nhà báo, kể nhiều chuyện cảm động về Bác qua hồi ký “Muôn vàn tình thương yêu dành cho các cháu gái”.

Anh Bá Ngọc, tác giả cuốn *Hồ Chí Minh chân dung đời thường*, cung cấp khá nhiều chi tiết về những mối quan hệ đẹp đẽ, đáng ghi nhớ tương tự về Người. Tôi đọc và hiểu thêm lòng quý trọng, niềm thương mến của Bác Hồ đối với những người giúp việc Bác, chẳng khác những người ruột thịt. Như đồng chí Lộc, người nấu ăn cho Bác không may bị sốt rét ác tính và mất vào tháng 5-1948, Bác thương xót và đã khóc như mất đi một người ruột thịt. Vào ngày sinh nhật Bác, anh em trong cơ quan tìm một bó hoa rừng chúc mừng

sinh nhật Người. Trong phút giây xúc động, Bác rơm rớm nước mắt:

- Cảm ơn các chú, nhưng bó hóa này ta mang ra đặt lên mộ đồng chí Lộc.

Bác đã kể cho mọi người nghe về cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lộc. Đồng chí vốn là Việt kiều ở Thái Lan, gặp Bác bên đó, đồng chí đã đi theo giúp việc Bác. Hai bác cháu thường quấy hai bồ thuốc giả làm người đi bán thuốc rong, đi đến nơi có bà con Việt kiều để tuyên truyền cách mạng. Bác sang Trung Quốc, đồng chí Lộc cũng theo sang, rồi cùng về nước với Bác. Hồi đó sinh hoạt khó khăn lúc phải ăn ngô bung, hoặc cơm độn ngô, đồng chí Lộc bao giờ cũng dành phần nhiều cơm cho Bác. Bữa nào đồng chí cũng chặt lấy nước cơm đặc, nài nỉ Bác uống cho kỳ được. Theo Bác hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tới khi cách mạng thành công, đồng chí Lộc vẫn an tâm vui vẻ làm một công việc hết sức bình thường - nấu cơm cho Bác.

Kể lại câu chuyện ấy, Bác nặng lòng biết ơn và thương nhớ một đồng chí gần gũi, như con, như em của mình. Nghe chuyện ấy, ta có thể liên tưởng đến bài diếu văn của Bác khi được tin đồng chí Hồ Tùng Mậu bị tai nạn máy bay và qua đời, đến bài báo Bác viết về người anh hùng trẻ tuổi Lý Tự Trọng...

Bác không chỉ kết nghĩa anh em với các vị nguyên thủ quốc gia mà ngay cả với những người bình thường. Như lần về thăm Trà Cổ, gặp gỡ nói chuyện với nhân dân xứ đạo, Bác gặp và chúc thọ riêng cụ Thiện là người cao tuổi. Bác khen cụ đã già nhưng vẫn làm gương cho các cháu, chăm lo thờ phụng

Chúa, thực hiện giới răn, thi đua lao động sản xuất. Bác nói với cụ: “Chúng ta nên kết nghĩa anh em, cụ nhiều tuổi hơn, xin cụ nhận là anh”. Cụ Thiện luống cuống xua tay: “Không dám, không dám. Cụ làm việc cho cả nước, cả dân tộc, Cụ phải là anh, còn tôi chỉ quanh quẩn ở xã không dám nhận vinh dự đó, Cụ nhận tôi là em cũng là phúc lắm rồi”. Bác nói chân tình: “Dẫu sao cụ là lớp đàn anh đi trước, xin cụ nhận cho”. Nói rồi Bác thân ái tặng cụ Thiện vải và chăn bông.

Tình cảm của Bác dành cho thiếu niên nhi đồng là một tình cảm đặc biệt. Trên kia, tôi đã nói qua, giờ là xin được bổ sung. Hồi ở Pắc Bó, nhận được quà bà con các nơi gửi biếu, như kẹo, đường... Bác bảo đem kẹo vào bán phân phát cho các cháu. Bác dặn “Đừng cho trẻ con chơi dao!”. Vào mùa rét, Bác chỉ thị cho Bộ giáo dục: Khi nhiệt độ xuống 10 độ C thì cho các cháu học sinh cấp I nghỉ học, xuống dưới 10 độ C cho các cháu các trường nghỉ học. Đối với các cháu bé, Bác coi mình là một người ông. Nhớ Đại hội Đảng lần thứ II ở Tuyên Quang, Bác biết đồng chí Quý (vợ đồng chí Lê Tất Đắc), nhân viên phục vụ Đại hội mới sinh cháu bé được 5 tháng, Bác bảo: Bác sẽ đến thăm. Vì ngại nơi ở xa, chưa chu tất, gia đình muốn bế cháu đến thăm Bác. Bác bảo: “Ông phải đến thăm cháu chứ!”. Thế rồi Bác tranh thủ thời gian đến thăm, cho quà và chụp ảnh với cháu. Chị Lương Thị Khánh, nguyên cán bộ phụ nữ cứu quốc xã Tân Trào, có cháu Khoái được Bác rất yêu, Bác bảo: “Đến ở với ông vài hôm cho vui”. Ngày vợ đồng chí Tạ Quang Bửu sinh cháu trai đầu lòng, Bác gửi cháu bé chai mật ong, tự tay viết “nhãn hiệu” Tặng cháu Quang. Ít lâu sau, Bác ghé

thăm, gọi âu yếm: “Thằng Quang đâu? Thằng “xã xệ” đâu, ra ông bế nào!”. Rồi Bác chụp với cháu và không quên gửi tặng ảnh cho cháu.

Bác đã từng bế cháu nhỏ con chị Thuận thật âu yếm, dỗ dành bón từng thìa cơm cho cháu. Hồi ở Pắc Bó, khi vào bản thăm bà con thấy các cháu nhỏ nghịch đơ bản, Bác bảo những người cùng đi, tìm một cây gỗ lớn về làm một cái thùng đựng nước rồi tắm cho các cháu.

Qua các hồi ký, chúng ta được biết nhiều chuyện về tình thương yêu của Bác Hồ dành cho trẻ em như thế. Như với con trai của giáo sư Đặng Văn Ngữ, của giáo sư Tôn Thất Tùng, của đồng chí Trường Chinh, cũng như với con cái những người bình thường. Tất cả toát ra một tấm lòng yêu thương vô hạn. Một trong những “em bé” ấy, bây giờ là Phó giáo sư Tôn Thất Bách, con trai giáo sư Tôn Thất Tùng, kể lại:

“Khi được tin cha tôi sinh con đầu lòng, Bác đã đặt tên cho tôi là Bách vì Bác có nói với cha tôi rằng Tùng là tên một loại có bộ mộc vì vậy tên con cũng chọn tên có bộ mộc... Năm 1953 (khi đó tôi 7 tuổi), Bác gửi cho tôi một vỏ lựu đạn quả na vì lúc đó tôi rất thích đi thiếu sinh quân để được đeo vũ khí...”.

Anh hùng Nguyễn Thị Chiên được Bác rất thương vì hoàn cảnh chị mồ côi từ nhỏ, cha mẹ chết đói, rất quan tâm đến công ăn việc làm, đến hạnh phúc riêng tư của chị. Khi chị sinh cháu gái, Bác vui lắm, Người hỏi thăm chị luôn. Gặp chị, Bác hỏi: “Cái đi có ngoan không?”, “Cái đi biết đi chưa?”... Xúc động trả lời Bác, chị luôn luôn nghĩ “Bác là người cha, người ông rất gần gũi, lo cho gia đình tôi từng ly, từng tý”. Kỷ niệm

đầu tiên của chị về Bác là những ngày về Việt Bắc dự Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất. Dịp ấy, báo cáo thành tích xong, chị vừa bước xuống thì Bác ở ghế Chủ tịch đoàn đi ra. Bác cởi khẩu súng mà Bác đang dùng đưa cho chị, vui vẻ nói:

- Bác thay mặt cho Trung ương Đảng và Chính phủ tặng cháu khẩu súng này.

Chị sung sướng quá, đỡ lấy khẩu súng trong tay Bác, mãi mới nói được một câu ngắn gọn: “Vâng ạ!”.

Chị đã từng được Bác cho ăn cơm cùng với Bác. Chị còn nhớ: bữa ăn của Bác rất giản dị. Một đĩa cá lẹp kho khô, đĩa rau muống luộc, bát nước mắm, và có hôm có thịt. Bác gấp thịt cho chị, Bác bảo:

- Cháu phải ăn nhiều để có sức khỏe chiến đấu...

Sau này, khi chị sinh con được hai tháng, Bác thấy chị khỏe, Bác rất vui. Bác hỏi:

- Dạo này cháu ăn mấy bát cơm?

Chị thưa với Bác là ăn được 3 bát.

Bác vui vẻ nói đùa với các đồng chí Trung ương đứng cạnh Bác: “Ngày kháng chiến, cháu Chiên ăn sáu bát, nhưng chỉ ăn năm, còn một bát để phần cho Bác”.

Đối với anh hùng La Văn Cầu, Bác cũng dành cho tình cảm yêu thương như vậy. Hồi ở chiến khu, Bác tiếp anh sau một trận chiến đấu rất anh dũng. Đến bữa cơm, Bác nói chân tình để anh ăn được nhiều cơm:

“Hôm nay Bác thết cháu, cháu ăn đừng làm khách nhé, toàn là “cây nhà lá vườn” cả. Này nhé, rau xanh Bác trồng, gà Bác nuôi, trứng là trứng gà Bác nuôi để đấy, chỉ có măng muối là phải mua thôi. Cháu ăn thật

no đấy!”. Hai Bác cháu vừa ăn vừa chuyện trò vui vẻ. Anh Cầu ăn được nhiều hơn bình thường. Tối đó, anh Cầu ở lại ngủ qua đêm. Bác quý, Bác xem anh như con đẻ. Sau này về Hà Nội, tại cuộc họp Quốc hội, khi nghỉ giải lao, Bác gọi anh Cầu lại hỏi thăm sức khỏe, gia đình. Bác rất vui vì anh đã có vợ, con. Được biết vợ anh chính là chị Trần Thị Thanh, Chiến sĩ thi đua ngành Công nghiệp giấy trong kháng chiến chống Pháp, người bé nhỏ, Bác hỏi anh Cầu:

- “Thế cô ấy có lớn lên được tý nào không?”

Ngay hôm sau, Bác mời cả gia đình anh vào thăm Bác tại Phủ Chủ tịch.

Cũng là người dân tộc, chị Vừ Mí Kê, người Mèo, đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Giang, đã “kể nhiều chuyện tỏ rõ Bác Hồ là người yêu thương các dân tộc, chỉ bảo các dân tộc cách làm ăn sinh sống”. Còn chị Nguyễn Thị Khương, dân tộc Mường, Anh hùng lao động, được Bác ân cần dạy dỗ. Trong một buổi tiếp, Bác trút cho chị hai đĩa kẹo đầy, gói vào cẩn thận rồi bảo chị: “Cô đem về cho cháu ở nhà, quà của Bác đấy!”

Gặp chị Nguyễn Thị Kim Huế, Anh hùng ngành giao thông vận tải, Bác nhắc “Mặc thêm áo kéo không chịu được cái rét Hà Nội” (Người còn nhắc Ban tổ chức lo cho các chị em từ chậu giặt, bữa ăn chu đáo). Bác thương đồng bào Quảng Bình nghèo khổ, thiếu thức ăn. Bác cho chị và các đồng chí Quảng Bình muối, thuốc ký ninh, quần áo. Riêng các chị em được Bác “cho mỗi cháu một chai cao ích mẫu”. Trở về đơn vị, kể lại cho đồng đội nghe rành rọt về lời căn dặn và quà của Bác, ai cũng hò reo nhảy múa, nhiều người đã không cầm được nước mắt.

Các cô gái dũng cảm của Vĩnh Linh đất lửa ra Hà Nội được Bác cho vào thăm, đã xin phép Bác cho được hôn lên má Bác để “mang cả hơi thở và lòng biết ơn sâu xa, sự thành kính của quê hương kính cẩn hôn lên má vị Cha già”.

Người đã cho các chị Quảng Bình, Vĩnh Linh vào ăn cơm cùng Người, “chăm nom săn sóc những đứa con của miền đất lửa còn hơn cả cha mẹ”.

Chị công nhân nhà máy dệt Nam Định Nguyễn Thị Lan được Bác thương yêu “như người ông, người cha, người mẹ”, được Bác vuốt tóc, nhắc bồi dưỡng, ăn uống và làm việc điều độ... Còn chị Trương Thị Len ở nhà máy xi măng Hải Phòng lại được Bác trìu mến gọi là “bé Len”.

*

* *

Vâng, tôi đã hỏi: Còn những ai được Bác đỡ đầu? Tôi hỏi và kể lại một ít trong rất nhiều mẫu chuyện, hồi ức để nói lên rằng: Dù không chính thức nhận hoặc đỡ đầu, trong đời Bác đã có biết bao người được Bác yêu thương như con, như cháu. Ở lĩnh vực nào, ở địa phương nào cũng có những người có vinh dự ấy...

Tuy nhiên, tôi vẫn hỏi: Còn những ai được Bác đỡ đầu? Và mong, những ai từng có diễm phúc ấy hoặc biết về họ, xin cho tôi - người viết cuốn sách nhỏ này - được nghe kể lại để bổ sung, để hoàn thiện cho đề tài này mỗi ngày một đầy đủ, chính xác hơn.

Hà Nội, Thu 1998

TRẦN DƯƠNG

GHI CHÚ

MỘT SỐ TÊN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1. ÔBƠẮC R: Cựu ủy viên Cộng hòa ở Mácxây, Nghị sĩ Quốc hội Pháp. Ông là một người bạn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. LÔĐƠBAI H: Luật gia dân chủ tiến bộ người Anh.

Tháng 12 năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư và thiệp chúc Tết đến gia đình ông bà luật sư H. Lôđơbai, người đã giúp Chủ tịch thoát khỏi nhà tù Victoria năm 1933 (lúc đó ông là Chủ tịch Hội luật gia Hồng Công). Người ngỏ ý mong được đón tiếp gia đình luật sư sang “ăn Tết” Canh Tý (1960) với Việt Nam.

3. Nêru J. (1889-1964): Năm 1912, ông gia nhập Đảng Quốc đại Ấn Độ. Năm 1918, được bầu làm ủy viên Ủy ban toàn quốc của Đảng. Năm 1929, là Tổng thư ký Đảng Quốc đại. Trong các năm 1929-1930, 1936-1937, 1946, 1951-1954 ông giữ cương vị là Chủ tịch Đảng Quốc đại.

Năm 1946, Giaoháclan Nêru tham gia thành lập Chính phủ lâm thời Ấn Độ, ông được cử giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao. Từ năm 1947, sau khi Ấn Độ tuyên bố độc lập, ông là Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Chính phủ Ấn Độ. Ông là một trong những người có đóng góp tích cực vào phong trào củng cố hòa bình và hợp tác giữa các nước, đề xướng và theo đuổi năm nguyên tắc chung sống hòa bình, sáng lập tổ chức các nước không liên kết.

4. **XUCÁC NÔ A.** (1901-1970): Nhà hoạt động chính trị Ấn Độ; người sáng lập Đảng Quốc dân Ấn Độ (1927); Chủ tịch Đảng Ấn Độ (1932); Tổng thống nước Cộng hòa Ấn Độ từ 1945-1965. Là một trong những người có sáng kiến đề ra việc triệu tập Hội nghị Băng đung (1955). Tháng 6 năm 1959, Tổng thống đã sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam. Ngày 29-6, tại sân bay Gia Lâm, trong buổi tiễn Tổng thống về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ tình quyến luyến của nhân dân Việt Nam đối với Tổng thống trong bốn câu thơ:

*"Nhớ nhung trong lúc chia tay,
Tấm lòng lưu luyến cùng bay theo Người
Người về Tổ quốc xa khơi
Chúc Người thắng lợi, chúc Người bình an".*

5. **TRẦN CANH** (1903-1961): Người Tương Hương, Hồ Nam (Trung Quốc), gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1922), vào học Trường Quân sự Hoàng Phố (1924, khóa I), đi học ở Liên Xô (1926), tham gia khởi nghĩa Nam Xương (1927), giữ chức Tiểu đoàn trưởng. Sau đó, đi Thượng Hải làm công tác tình báo... Tham gia Vạn Lý trường chinh (1934), sau đó, làm Tư lệnh quân khu Thái Nhục.

Sau năm 1949, làm Phó tư lệnh quân khu Tây Nam kiêm Tư lệnh quân khu Vân Nam. Chủ tịch Chính phủ nhân dân tỉnh Vân Nam, Phó tư lệnh Quân chí nguyện nhân dân Trung Quốc tại Triều Tiên, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc rồi Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, được phong hàm Đại tướng năm 1955.

Trần Canh là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa VII, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa VIII.

Những năm 1949-1950, Trần Canh được cử giữ chức cố vấn quân sự bên cạnh Quân đội nhân dân Việt Nam, nhiều lần được làm việc với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. TRẦN DÂN TIỀN. *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* - NXB Sự Thật, Hà Nội - 1984
2. TRẦN ĐÌNH VIỆT, TRẦN ĐƯƠNG, BÍCH HƯƠNG. *Bông hồng của Bác* - NXB Phụ nữ, Hà Nội - 1985
3. TRẦN ĐƯƠNG. *Bác Hồ như chúng tôi đã biết* - NXB Thanh Niên, Hà Nội - 1985
4. BÁ NGỌC. *Hồ Chí Minh chân dung đời thường* - NXB Lao Động, Hà Nội - 1986
5. PHAN NGỌC LIÊN, ĐÌNH XUÂN LÂM. *Hoạt động của Bác Hồ ở nước ngoài* - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1998
6. ĐOÀN MINH TUẤN. *Bác Hồ cây đại thọ* - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1998
7. TRẦN ĐƯƠNG. *Bảy ngày Bác Hồ thăm Cộng hòa Dân chủ Đức* - NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội - 1998
8. Một số báo, bản tin và tạp chí như:
 - Nhân dân
 - Quân đội nhân dân
 - Đắk Lắk
 - Sài Gòn giải phóng
 - Liên Xô ngày nay
 - Báo Wochenpost (Bưu điện hàng tuần - CHDC Đức)
 - Bản tin TTXVN
 - Văn nghệ Hòa Bình
 - Tạp chí Nhiếp ảnh
 - Sự kiện và nhân chứng
9. Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
• LỜI NÓI ĐẦU	5
• “CHA ĐỖ ĐẦU CỦA TÔI LÀ HIỆN THÂN CỦA SỰ SỐNG, TƯƠNG LAI VÀ SỰ HOÀN HẢO”	7
• NGƯỜI CON TRAI ĐỖ ĐẦU Ở MIỀN NAM NƯỚC ĐỨC	21
• THEO TỤC LỆ TỬ NGÀN XƯA Ở NƯỚC NGÀ...	33
• ĐỖ LỆ HOA - “CON NHẬN” Ở CÔN MINH	46
• “TÔI QUÍ TRỌNG BÁC HỒ NHƯ PHỤ THÂN TÔI”	53
• BA THẾ HỆ TRONG TÌNH THÂN VỚI BÁC	68
• “NGƯỜI LÀ CHA NUÔI CỦA TÔI”	80
• “TỪ HÔM NAY, BÁC CÓ THÊM HAI NGƯỜI CON GÁI NỮA!”	96
• CÒN NHỮNG AI ĐƯỢC BÁC ĐỖ ĐẦU?	108
• GHI CHÚ MỘT SỐ TÊN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	132
• TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	134

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
Số 62 Bà Triệu - Hà Nội
ĐT: 04 9439364 - 04 9434044
Fax: 04 9436024



CÔNG TY THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐÌNH TI
ĐT: 04 2192869 - 093 689 6688
Fax: 04 6752917. Email: dinhthi@fpt.vn

Phát hành tại miền Trung : CÔNG TY TNHH VĂN HÓA CẦU VỒNG



Địa chỉ: 211 Nguyễn Trãi - Tp Vinh
ĐT: 038 851127 - 091 2743616
Fax: 038. 851127

ÁNH MẮT BÁC HỒ

Chịu trách nhiệm xuất bản
MAI THỜI CHÍNH

Biên tập : LÊ MINH HIỂN
Bìa : QUANG THUY
Kỹ thuật vi tính : THANH HÀ

In 1000 bản - Khổ 13 cm x 20,5 cm - Tại Công ty CP in Sao Việt
Giấy chấp nhận ĐKKHXB số: 198 - 2007/CXB/20 - 11/TN
In xong và nộp lưu chiểu Quý 3/2007.



ÁNH MẮT BÁC HỒ

